SỞ Y TẾ TÂY NINH
BỆNH VIỆN ĐA KHOA TÂY NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1107 /TB-BVĐK

Tây Ninh, ngày 06 tháng 8 năm 2025

THÔNG BÁO

V/v mời báo giá Vật tư y tế

Kính gửi: Quý công ty, nhà cung cấp tại Việt Nam

Bệnh viện Đa khoa Tây Ninh có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo xây dựng giá kế hoạch làm cơ sở để tổ chức lựa chọn nhà thầu cho các danh mục Vật tư y tế với các nội dung như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá:

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện Đa khoa Tây Ninh.
2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:

- Tổ xây dựng giá kế hoạch Bệnh viện Đa khoa Tây Ninh.
- Số điện thoại: 0276 3822 145

3. Cách thức tiếp nhận báo giá:

- Nhận bản giấy: Tổ xây dựng giá kế hoạch Bệnh viện đa khoa Tây Ninh, địa chỉ: 626 đường 30/4 khu phố 5, phường Tân Ninh, tỉnh Tây Ninh.

- Nhận qua email: *muasam.bvdk@gmail.com:* File EXCEL và file Scan (PDF) báo giá.

- Đường link truy cập tải danh mục chi tiết và biểu mẫu thực hiện báo giá: *http://bvdktayninh.ytetayninh.vn/.*

*** Lưu ý:**

- Nội dung bản giấy và nội dung bản gởi qua email không được sai khác nhau.
- Ngoài bìa thư ghi rõ:

+ TÊN NHÀ THẦU:
+ NƠI NHẬN: TỔ XÂY DỰNG GIÁ KẾ HOẠCH BỆNH VIỆN ĐA KHOA TÂY NINH
+ BÁO GIÁ THEO THÔNG BÁO SỐ: /TB-BVĐK

4. Thời gian tiếp nhận báo giá: Từ lúc phát hành thư mời báo giá đến trước 10 giờ 30 phút ngày 16/8/2025 (Các báo giá nhận sau thời gian này không được xem xét).

5. Thời gian có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 180 ngày kể từ ngày 16/8/2025.

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

Danh mục mời báo giá: Phụ lục đính kèm.

II. Hồ sơ báo giá:

Bảng báo giá. Giá trên báo giá đã bao gồm các loại thuế và các chi phí khác.

IV. Các thông tin khác:

Đề nghị các đơn vị cung cấp báo giá theo biểu mẫu chi tiết tại Phụ lục đính kèm Thông báo này.

Trân trọng thông báo./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu: VT, TXDG.

GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC BỆNH VIỆN

SỞ Y TẾ TỈNH TÂY NINH
BỆNH VIỆN ĐA KHOA

Võ Thị Ánh Hà

PHỤ LỤC II: MẪU BÁO GIÁ

(Kèm theo Thông báo số: 1107 /TB-BVĐK ngày 06 tháng 8 năm 2025 của Bệnh viện Đa khoa Tây Ninh)

Công ty:

Địa chỉ:

Số điện thoại:

BÁO GIÁ

Kính gửi: Bệnh viện Đa khoa Tây Ninh

Trên cơ sở yêu cầu báo giá của Bệnh viện Đa khoa Tây Ninh, chúng tôi....*[ghi tên, địa chỉ của hãng sản xuất, nhà cung cấp]* báo giá danh mục dịch vụ theo yêu cầu của Bệnh viện như sau:

STT	STT theo thư mời báo giá	Danh mục hàng hóa/dịch vụ theo thư mời báo giá	Tên thương mại	Mô tả tiêu chí kỹ thuật, quy cách, dịch vụ, …	Đơn vị tính	Số lượng	Hãng sản xuất	Xuất xứ	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)
1	1	Hàng hoá/dịch vụ A								
n		…								
		Tổng: Khoản								

Gửi kèm theo các tài liệu chứng minh về tính năng, thông số kỹ thuật (nếu có)

2. Báo giá này có hiệu lực trong vòng: …. ngày, kể từ ngày … tháng … năm … *[ghi cụ thể số ngày nhưng không nhỏ hơn 180 ngày]*, kể từ ngày … tháng… năm...*[ghi ngày kết thúc nhận báo giá theo Thông báo]*.

3. Giá trên báo giá đã bao gồm các loại thuế và chi phí khác

4. Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.

- Giá trị của các hàng hóa nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.

- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

....., ngày.... tháng....năm....

Đại diện hợp pháp của hãng sản xuất, nhà cung cấp

(Ký tên, đóng dấu (nếu có))

PHỤ LỤC

DANH MỤC MỜI BÁO GIÁ
VẬT TƯ Y TẾ CHUYÊN KHOA CHẤN THƯƠNG CHỈNH HÌNH

(kèm thông báo số /TB-BVĐK ngày 6/8/2025 của Bệnh viện đa khoa Tây Ninh)

STT	Tên hàng hóa	Mô tả, tính năng, đặc tính kỹ thuật hoặc tương đương	Đơn vị tính	Số lượng
1	**Bộ nẹp khóa titan xương đòn chữ S các cỡ với lỗ khóa tròn**	Bộ nẹp gồm : 1 nẹp, 6 vis khóa 3.5mm , 4 vis vỏ xương 3.5mm (hoặc tương đương)	Bộ	80 (bộ)
1.1	Nẹp khóa titan xương đòn chữ S các cỡ với lỗ khóa tròn	Chất liệu hợp kim titan ; hình dạng chữ S và kích cỡ phù hợp mặt trên x.đòn ; trái/ phải ; thân nẹp có 6-10 lỗ khoá tròn có ren (dùng vis khóa 3.5mm hoặc vis vỏ xương 3.5mm) (hoặc tương đương)	cái	80
1.2	Vis khóa titan Ø3.5mm các cỡ	Chất liệu hợp kim titan ; đường kính 3.5mm, dài 14-30mm ; thân vis ren toàn phần ; mũ vis có lõm bắt vis hình sao và có ren khoá gắn đồng bộ với lỗ khoá tròn của nẹp (hoặc tương đương)	cái	480
1.3	Vis vỏ xương titan Ø3.5mm các cỡ	Chất liệu hợp kim titan ; đường kính 3.5mm, dài 14-30mm ; thân vis ren toàn phần ; mũ vis có lõm bắt vis hình sao (hoặc tương đương)	cái	320
2	**Bộ nẹp khóa titan xương đòn các cỡ với lỗ khóa bầu dục**	Bộ nẹp gồm : 1 nẹp, 6 vis khóa 3.5mm , 4 vis vỏ xương 3.5mm - Xuất xứ: Liên minh Châu Âu (EU) - Đóng gói, tiệt trùng bằng Ethylene Oxyde tại nhà sản xuất (hoặc tương đương)	Bộ	80 (bộ)
2.1	Nẹp khóa titan xương đòn các cỡ với lỗ khóa bầu dục	Chất liệu hợp kim titan ; hình dạng chữ S và kích cỡ phù hợp mặt trên x.đòn ; trái/ phải ; thân nẹp có 6-8 lỗ khoá đôi hình bầu dục (dùng vis khóa 3.5mm hoặc vis vỏ xương 3.5mm) (hoặc tương đương)	cái	80
2.2	Vis khóa titan Ø3.5mm các cỡ	Chất liệu hợp kim titan ; đường kính 3.5mm, dài 14-30mm ; thân vis ren toàn phần ; mũ vis có lõm bắt vis hình sao và có ren khoá gắn đồng bộ với lỗ khoá tròn của nẹp (hoặc tương đương)	cái	480
2.3	Vis vỏ xương titan Ø3.5mm các cỡ	Chất liệu hợp kim titan ; đường kính 3.5mm, dài 14-30mm ; thân vis ren toàn phần ; mũ vis có lõm bắt vis hình sao (hoặc tương đương)	cái	320
3	**Bộ nẹp khóa titan móc khớp cùng đòn các cỡ với lỗ khóa tròn**	Bộ nẹp gồm : 1 nẹp, 5 vis khóa 3.5mm , 2 vis vỏ xương 3.5mm - Xuất xứ: Liên minh Châu Âu (EU) - Đóng gói, tiệt trùng bằng Ethylene Oxyde tại nhà sản xuất (hoặc tương đương)	Bộ	30 (bộ)
3.1	Nẹp khóa titan móc khớp cùng đòn các cỡ với lỗ khóa tròn	Chất liệu hợp kim titan ; hình dạng có móc ở đầu nẹp và kích cỡ phù hợp đầu ngoài x. đòn-khớp cùng đòn ; trái/ phải ; đầu nẹp có 2 hoặc 3 lỗ khóa (dùng vis khóa 3.5mm) và thân nẹp có từ 3-4 lỗ khóa tròn (dùng vis khóa 3.5mm hoặc vis vỏ xương 3.5mm) (hoặc tương đương)	cái	30
3.2	Vis khóa titan Ø3.5mm các cỡ	Chất liệu hợp kim titan ; đường kính 3.5mm, dài 14-30mm ; thân vis ren toàn phần ; mũ vis có lõm bắt vis hình sao và có ren khoá gắn đồng bộ với lỗ khoá tròn của nẹp (hoặc tương đương)	cái	150
3.3	Vis vỏ xương titan Ø3.5mm các cỡ	Chất liệu hợp kim titan ; đường kính 3.5mm, dài 14-30mm ; thân vis ren toàn phần ; mũ vis có lõm bắt vis hình sao (hoặc tương đương)	cái	60
4	**Bộ nẹp khóa titan đầu ngoài xương đòn các cỡ**	Bộ nẹp gồm : 1 nẹp, 5 vis khóa 2.7mm , 4 vis khóa 3.5mm, 3 vis vỏ xương 3.5mm (hoặc tương đương)	Bộ	15 (bộ)
4.1	Nẹp khóa titan đầu ngoài xương đòn các cỡ	Chất liệu hợp kim titan ; hình dạng và kích cỡ phù hợp mặt trên và đầu ngoài x.đòn ; trái/ phải ; đầu nẹp có 5-6 lỗ khoá tròn (dùng vis khoá 2.7mm) ; thân nẹp có 5-7 lỗ khoá đôi hình bầu dục (dùng vis khóa 3.5mm và vis vỏ xương 3.5mm) (hoặc tương đương)	cái	15
4.2	Vis khóa titan Ø2.7mm các cỡ	Chất liệu hợp kim titan ; đường kính 2.7mm, dài 14-30mm ; thân vis ren toàn phần ; mũ vis có lõm bắt vis hình sao và có ren khoá gắn đồng bộ với lỗ khoá tròn của nẹp (hoặc tương đương)	cái	75
4.3	Vis khóa titan Ø3.5mm các cỡ	Chất liệu hợp kim titan ; đường kính 3.5mm, dài 14-30mm ; thân vis ren toàn phần ; mũ vis có lõm bắt vis hình sao và có ren khoá gắn đồng bộ với lỗ khoá tròn của nẹp (hoặc tương đương)	cái	60

STT	Tên hàng hóa	Mô tả, tính năng, đặc tính kỹ thuật hoặc tương đương	Đơn vị tính	Số lượng
4.4	Vis vỏ xương titan Ø3.5mm các cỡ	Chất liệu hợp kim titan ; đường kính 3.5mm, dài 14-30mm ; thân vis ren toàn phần ; mũ vis có lõm bắt vis hình sao (hoặc tương đương)	cái	45
5	**Bộ nẹp khóa titan đầu trên xương cánh tay các cỡ (dùng vis khóa 4.0mm)**	Bộ nẹp gồm : 1 nẹp, 7 vis khóa 3.5/4.0mm , 2 vis vỏ xương 3.5mm - Xuất xứ: Liên minh Châu Âu (EU) - Đóng gói, tiệt trùng bằng Ethylene Oxyde tại nhà sản xuất (hoặc tương đương)	Bộ	60 (bộ)
5.1	Nẹp khóa titan đầu trên xương cánh tay các cỡ (dùng vis khóa 4mm)	Chất liệu hợp kim titan ; hình dạng và kích cỡ phù hợp đầu trên x. cánh tay ; đầu nẹp có 8 lổ vis khóa (dùng vis khóa 3.5mm/4.0mm) ; thân nẹp có từ 3-5 lỗ khoá đôi hình bầu dục (dùng vis khóa 3.5mm/4.0mm hoặc vis vỏ xương 3.5mm) (hoặc tương đương)	cái	60
5.2	Vis khóa titan Ø4.0mm các cỡ	Chất liệu hợp kim titan ; đường kính 3.5mm/4.0mm, dài 20-50mm ; thân vis ren toàn phần ; mũ vis có lõm bắt vis hình sao và có ren khoá gắn đồng bộ với lỗ khoá tròn của nẹp (hoặc tương đương)	cái	420
5.3	Vis vỏ xương titan Ø3.5mm các cỡ	Chất liệu hợp kim titan ; đường kính 3.5mm, dài 14-40mm ; thân vis ren toàn phần ; mũ vis có lõm bắt vis hình sao (hoặc tương đương)	cái	120
6	**Bộ nẹp khóa titan thẳng thân xương cánh tay các cỡ (dùng vis khóa 4.0mm)**	Bộ nẹp gồm : 1 nẹp, 7 vis khóa 4.0mm , 4 vis vỏ xương 3.5mm (hoặc tương đương)	Bộ	60 (bộ)
6.1	Nẹp khóa titan thẳng thân xương cánh tay các cỡ (dùng vis khóa 4.0mm)	Chất liệu hợp kim titan ; hình dạng thẳng có 8-12 lỗ khoá đôi hình bầu dục (dùng vis khóa 4.0mm hoặc vis vỏ xương 3.5mm) (hoặc tương đương)	cái	60
6.2	Vis khóa titan Ø4.0mm các cỡ	Chất liệu hợp kim titan ; thân vis ren toàn phần dài 20-50mm, có đường kính 4.0mm ; mũ vis có lõm bắt vis hình sao và có ren khoá gắn đồng bộ với lỗ khoá của nẹp (hoặc tương đương)	cái	420
6.3	Vis vỏ xương titan Ø3.5mm các cỡ	Chất liệu hợp kim titan ; đường kính 3.5mm, dài 20-50mm ; thân vis ren toàn phần ; mũ vis có lõm bắt vis hình sao (hoặc tương đương)	cái	240
7	**Bộ nẹp khóa titan chữ Y đầu dưới xương cánh tay các cỡ**	Bộ nẹp gồm : 1 nẹp, 8 vis khóa 3.5mm , 4 vis vỏ xương 3.5mm (hoặc tương đương)	Bộ	10 (bộ)
7.1	Nẹp khóa titan chữ Y đầu dưới xương cánh tay các cỡ	Chất liệu hợp kim titan ; hình dạng chữ Y và kích cỡ phù hợp mặt sau đầu dưới x. cánh tay ; trái / phải; đầu nẹp hai nhánh chữ Y có các lổ vít khóa tròn (dùng vis khóa 3.5mm); thân nẹp có từ 4-6 lỗ khoá bầu dục (dùng vis khóa 3.5mm hoặc vis vỏ xương 3.5mm.) (hoặc tương đương)	cái	10
7.2	Vis khóa titan Ø3.5mm các cỡ	Chất liệu hợp kim titan ; đường kính 3.5mm, dài 14-50mm ; thân vis ren toàn phần ; mũ vis có lõm bắt vis hình sao và có ren khoá gắn đồng bộ với lỗ khoá tròn của nẹp (hoặc tương đương)	cái	80
7.3	Vis vỏ xương titan Ø3.5mm các cỡ	Chất liệu hợp kim titan ; đường kính 3.5mm, dài 14-50mm ; thân vis ren toàn phần ; mũ vis có lõm bắt vis hình sao (hoặc tương đương)	cái	40
8	**Bộ nẹp khóa titan lồi cầu trong cánh tay các cỡ**	Bộ nẹp gồm : 1 nẹp, 3 vis khóa 2.7mm , 4 vis khóa 3.5mm, 3 vis vỏ xương 3.5mm (hoặc tương đương)	Bộ	10 (bộ)
8.1	Nẹp khóa titan lồi cầu trong cánh tay các cỡ	Chất liệu hợp kim titan ; hình dạng và kích cỡ phù hợp lồi cầu trong đầu dưới x. cánh tay; trái/phải ; đầu nẹp có 3 lỗ khóa đa hướng (dùng vis khoá 2.7mm) , thân nẹp có 5-9 lỗ khoá đôi hình bầu dục (dùng vis khóa 3.5mm và vis vỏ xương 3.5mm) (hoặc tương đương)	cái	10
8.2	Vis khóa titan Ø2.7mm các cỡ	Chất liệu hợp kim titan ; đường kính 2.7mm, dài 14-30mm ; thân vis ren toàn phần ; mũ vis có lõm bắt vis hình sao và có ren khoá gắn đồng bộ với lỗ khoá tròn của nẹp (hoặc tương đương)	cái	30
8.3	Vis khóa titan Ø3.5mm các cỡ	Chất liệu hợp kim titan ; thân vis ren toàn phần dài 20-50mm, có đường kính 3.5mm ; mũ vis có lõm bắt vis hình sao và có ren khoá gắn đồng bộ với lỗ khoá thân nẹp (hoặc tương đương)	cái	40
8.4	Vis vỏ xương titan Ø3.5mm các cỡ	Chất liệu hợp kim titan ; đường kính 3.5mm, dài 20-50mm ; thân vis ren toàn phần ; mũ vis có lõm bắt vis hình sao (hoặc tương đương)	cái	30

STT	Tên hàng hóa	Mô tả, tính năng, đặc tính kỹ thuật hoặc tương đương	Đơn vị tính	Số lượng
9	**Bộ nẹp khóa titan lồi cầu ngoài cánh tay các cỡ**	Bộ nẹp gồm : 1 nẹp, 5 vis khóa 2.7mm , 4 vis khóa 3.5mm, 3 vis vỏ xương 3.5mm - Xuất xứ: Liên minh Châu Âu (EU) - Đóng gói, tiệt trùng bằng Ethylene Oxyde tại nhà sản xuất (hoặc tương đương)	Bộ	15 (bộ)
9.1	Nẹp khóa titan lồi cầu ngoài cánh tay các cỡ	Chất liệu hợp kim titan ; hình dạng và kích cỡ phù hợp lồi cầu ngoài đầu dưới x. cánh tay; trái/phải ; đầu nẹp có 3-6 lỗ khóa đa hướng (dùng vis khoá 2.7mm) , thân nẹp có ≤9 lỗ khoá đôi hình bầu dục (dùng vis khóa 3.5mm và vis vỏ xương 3.5mm) (hoặc tương đương)	cái	15
9.2	Vis khóa titan Ø2.7mm các cỡ	Chất liệu hợp kim titan ; đường kính 2.7mm, dài 14-30mm ; thân vis ren toàn phần ; mũ vis có lõm bắt vis hình sao và có ren khoá gắn đồng bộ với lỗ khoá đầu nẹp (hoặc tương đương)	cái	75
9.3	Vis khóa titan Ø3.5mm các cỡ	Chất liệu hợp kim titan ; đường kính 3.5mm, dài 20-50mm ; thân vis ren toàn phần ; mũ vis có lõm bắt vis hình sao và có ren khoá gắn đồng bộ với lỗ khoá thân nẹp (hoặc tương đương)	cái	60
9.4	Vis vỏ xương titan Ø3.5mm các cỡ	Chất liệu hợp kim titan ; đường kính 3.5mm, dài 20-50mm ; thân vis ren toàn phần ; mũ vis có lõm bắt vis hình sao (hoặc tương đương)	cái	45
10	**Bộ nẹp khóa titan thẳng xương cẳng tay các cỡ**	Bộ nẹp gồm : 1 nẹp, 6 vis khóa 3.5mm, 4 vis vỏ xương 3.5mm - tiêu chuẩn EU - Đóng gói, tiệt trùng bằng Ethylene Oxyde tại nhà sản xuất (hoặc tương đương)	Bộ	150 (bộ)
10.1	Nẹp khóa titan thẳng xương cẳng tay các cỡ	Chất liệu hợp kim titan ; hình dạng thẳng có 6-9 lỗ khoá đôi hình bầu dục (dùng vis khóa 3.5mm và vis vỏ xương 3.5mm), độ dày nẹp 2.5-3.5mm, độ rộng nẹp 9-11 mm , khoảng cách lỗ nẹp 9-14mm (hoặc tương đương)	cái	150
10.2	Vis khóa titan Ø3.5mm các cỡ	Chất liệu hợp kim titan ; thân vis ren toàn phần dài 16-40mm, có đường kính 3.5mm ; mũ vis có lõm bắt vis hình sao và có ren khoá gắn đồng bộ với lỗ khoá thân nẹp Chất liệu hợp kim titan ; đường kính 3.5mm, dài 16-40mm ; thân vis ren toàn phần ; mũ vis có lõm bắt vis hình sao và có ren khoá gắn đồng bộ với lỗ khoá thân nẹp (hoặc tương đương)	cái	900
10.3	Vis vỏ xương titan Ø3.5mm các cỡ	Chất liệu hợp kim titan ; đường kính 3.5mm, dài 16-40mm ; thân vis ren toàn phần ; mũ vis có lõm bắt vis hình sao (hoặc tương đương)	cái	600
11	**Bộ nẹp khóa titan đầu dưới xương quay (dùng vis khóa 2.4mm /2.7mm và 3.5mm) các cỡ**	Bộ nẹp gồm : 1 nẹp, 6 vis khóa 2.4mm/2.7mm, 3 vis khóa 3.5mm, 3 vis vỏ xương 2.4mm/2.7mm, 3 vis vỏ xương 3.5mm - tiêu chuẩn EU - Đóng gói, tiệt trùng bằng Ethylene Oxyde tại nhà sản xuất (hoặc tương đương)	Bộ	25 (bộ)
11.1	Nẹp khóa titan đầu dưới xương quay (dùng vis khóa 2.4mm /2.7mm và 3.5mm) các cỡ	Chất liệu hợp kim titan ; hình dạng và kích cỡ phù mặt trước đầu dưới x. quay ; trái/phải ; đầu nẹp có 8 lỗ khoá tròn (dùng vis khoá 2.4mm/2.7mm hoặc vis vỏ xương 2.4mm/2.7mm) , thân nẹp có 3-5 lỗ khoá đôi hình bầu dục (dùng vis khóa 3.5mm và vis vỏ xương 3.5mm) (hoặc tương đương)	cái	25
11.2	Vis khóa titan Ø2.4mm/Ø2.7mm các cỡ	Chất liệu hợp kim titan ; đường kính 2.4mm/2.7mm, dài 14-30mm ; thân vis ren toàn phần ; mũ vis có lõm bắt vis hình sao và có ren khoá gắn đồng bộ với lỗ khoá đầu nẹp (hoặc tương đương)	cái	150
11.3	Vis khóa titan Ø3.5mm các cỡ	Chất liệu hợp kim titan ; đường kính 3.5mm, dài 16-30mm ; thân vis ren toàn phần ; mũ vis có lõm bắt vis hình sao và có ren khoá gắn đồng bộ với lỗ khoá thân nẹp (hoặc tương đương)	cái	75
11.4	Vis vỏ xương titan Ø2.4mm /Ø2.7mm các cỡ	Chất liệu hợp kim titan ; đường kính 2.4mm/2.7mm, dài 16-30mm ; thân vis ren toàn phần ; mũ vis có lõm bắt vis hình sao (hoặc tương đương)	cái	75
11.5	Vis vỏ xương titan Ø3.5mm các cỡ	Chất liệu hợp kim titan ; đường kính 3.5mm, dài 16-30mm ; thân vis ren toàn phần ; mũ vis có lõm bắt vis hình sao (hoặc tương đương)	cái	75

STT	Tên hàng hóa	Mô tả, tính năng, đặc tính kỹ thuật hoặc tương đương	Đơn vị tính	Số lượng
12	**Bộ nẹp khóa titan đầu dưới xương quay (dùng vis khóa 2.4mm /2.7mm) các cỡ**	Bộ nẹp gồm : 1 nẹp, 7 vis khóa 2.4mm/2.7mm, 3 vis vỏ xương 2.4mm/2.7mm (hoặc tương đương)	Bộ	25 (bộ)
12.1	Nẹp khóa titan đầu dưới xương quay (dùng vis khóa 2.4mm /2.7mm) các cỡ	Chất liệu hợp kim titan ; hình dạng và kích cỡ phù mặt trước đầu dưới x. quay ; trái/phải ; đầu nẹp có 4 lỗ khoá tròn (dùng vis khoá 2.4mm/2.7mm) , thân nẹp có 3-5 lỗ khoá đôi hình bầu dục (dùng vis khóa 2.4mm/2.7mm và vis vỏ xương 2.4mm/2.7mm) (hoặc tương đương)	cái	25
12.2	Vis khóa titan Ø2.4mm/Ø2.7mm các cỡ	Chất liệu hợp kim titan ; đường kính 2.4mm/Ø2.7mm, dài 14-30mm ; thân vis ren toàn phần ; mũ vis có lõm bắt vis hình sao và có ren khoá gắn đồng bộ với lỗ khoá đầu nẹp (hoặc tương đương)	cái	175
12.3	Vis vỏ xương titan Ø2.4mm /Ø2.7mm các cỡ	Chất liệu hợp kim titan ; đường kính 2.4mm/2.7mm, dài 16-30mm ; thân vis ren toàn phần ; mũ vis có lõm bắt vis hình sao (hoặc tương đương)	cái	75
13	**Bộ nẹp khóa titan chữ T xương bàn ngón tay các cỡ**	Bộ nẹp gồm : 1 nẹp, 4 vis khóa 2.0mm , 3 vis vỏ xương 2.0mm (hoặc tương đương)	Bộ	40 (bộ)
13.1	Nẹp khóa titan chữ T xương bàn ngón tay các cỡ	Chất liệu hợp kim titan ; hình dạng chữ T hoặc L , đầu nẹp có 2 lổ khoá tròn (dùng vis khoá 2.0mm), thân nẹp có 3-5 lổ khoá tròn (dùng vis khoá 2.0mm và vis vỏ xương 2.0mm), phù hợp cho gãy chỏm xương bàn - ngón tay (hoặc tương đương)	cái	40
13.2	Vis khóa titan Ø2.0mm các cỡ	Chất liệu hợp kim titan ; thân vis ren toàn phần dài 8-22mm, có đường kính 2.0mm ; mũ vis có lõm bắt vis hình sao và có ren khoá gắn đồng bộ với lỗ khoá đầu nẹp (hoặc tương đương)	cái	160
13.3	Vis vỏ xương titan Ø2.0mm các cỡ	Chất liệu hợp kim titan ; đường kính 2.0mm ,dài 8-22mm; thân vis ren toàn phần ; mũ vis có lõm bắt vis hình sao (hoặc tương đương)	cái	120
14	**Bộ nẹp khóa titan kiểu mắc xích tạo hình các cỡ với lỗ khóa tròn**	Bộ nẹp gồm : 1 nẹp, 6 vis khóa 3.5mm , 4 vis vỏ xương 3.5mm (hoặc tương đương)	Bộ	50 (bộ)
14.1	Nẹp khóa titan kiểu mắc xích tạo hình các cỡ với lỗ khóa tròn	Chất liệu hợp kim titan; nẹp có hình dạng thẳng kiểu mắc xích và có thể uốn tạo hình, có 6-12 lỗ khoá tròn (dùng vis khóa 3.5mm và vis vỏ xương 3.5mm) (hoặc tương đương)	cái	50
14.2	Vis khóa titan Ø3.5mm các cỡ	Chất liệu hợp kim titan ; đường kính 3.5mm, dài 16-40mm ; thân vis ren toàn phần ; mũ vis có lõm bắt vis hình sao và có ren khoá gắn đồng bộ với lỗ khoá thân nẹp (hoặc tương đương)	cái	300
14.3	Vis vỏ xương titan Ø3.5mm các cỡ	Chất liệu hợp kim titan ; đường kính 3.5mm ,dài 16-40mm ; thân vis ren toàn phần ; mũ vis có lõm bắt vis hình sao (hoặc tương đương)	cái	200
15	**Bộ nẹp khóa DHS titan các cỡ**	Bộ nẹp gồm : 1 nẹp DHS, 1 vis cổ DHS, 1 vis nén DHS , 4 vis khóa 5.0mm , 3 vis vỏ xương 4.5mm (hoặc tương đương)	Bộ	50 (bộ)
15.1	Nẹp khóa DHS titan các cỡ	Chất liệu hợp kim titan ; nòng nghiêng góc 135-145° so với thân nẹp ; thân nẹp có 3-10 lỗ khoá đôi hình bầu dục (dùng vis khóa 5.0mm hoặc vis vỏ xương 4.5mm) (hoặc tương đương)	cái	50
15.2	Vis cổ DHS titan các cỡ	Chất liệu hợp kim titan ; dài 70-90mm, rỗng lòng , có ren ngoài Ø12-13mm phần đầu vis (gắn chỏm xương đùi) và có ren trong đầu còn lại (để bắt vis nén DHS) ; gắn đồng bộ với nòng của nẹp DHS (hoặc tương đương)	cái	50
15.3	Vis nén DHS titan	Chất liệu hợp kim titan ; Ø4.0mm với ren toàn phần, dài 30-38mm ; gắn đồng bộ với trục vis cổ DHS (hoặc tương đương)	cái	50
15.4	Vis khóa titan Ø5.0mm các cỡ	Chất liệu hợp kim titan ; đường kính 5.0mm , dài 30-50mm ; thân vis ren toàn phần ; mũ vis có lõm bắt vis hình sao hoặc lục giác và có ren khoá gắn đồng bộ với lỗ khoá thân nẹp (hoặc tương đương)	cái	200
15.5	Vis vỏ xương titan Ø4.5mm các cỡ	Chất liệu hợp kim titan ; đường kính 4.5mm ,dài 30-60mm ; thân vis ren toàn phần ; mũ vis có lõm bắt vis hình sao hoặc lục giác (hoặc tương đương)	cái	150

STT	Tên hàng hóa	Mô tả, tính năng, đặc tính kỹ thuật hoặc tương đương	Đơn vị tính	Số lượng
16	**Bộ nẹp khóa titan đầu trên xương đùi các cỡ (dùng vis khóa 7.3mm và 5.0mm)**	Bộ nẹp gồm : 1 nẹp, 3 vis khóa 7.3mm, 6 vis khóa 5.0mm, 5 vis vỏ xương 4.5mm - Tiêu chuẩn EU - Đóng gói, tiệt trùng bằng Ethylene Oxyde tại nhà sản xuất (hoặc tương đương)	Bộ	20 (bộ)
16.1	Nẹp khóa titan đầu trên xương đùi các cỡ (dùng vis khóa 7.3mm và 5.0mm)	Chất liệu hợp kim titan ; hình dạng kích cỡ phù hợp mặt ngoài đầu trên x. đùi ; đầu nẹp có các lỗ khóa tròn (dùng vis khoá 7.3mm bắt vào chỏm xương đùi) ; thân nẹp có từ 8-10 lỗ khóa đôi hình bầu dục (dùng vis khóa 5.0mm và vis vỏ xương 4.5mm) (hoặc tương đương)	cái	20
16.2	Vis khóa titan Ø7.3mm rỗng lòng các cỡ	Chất liệu hợp kim titan ; đường kính 7.3mm, dài 50-90mm ; thân vis rỗng lòng, có ren toàn phần hoặc bán phần ở mặt ngoài vis ; mũ vis có lõm bắt vis hình sao và có ren khoá gắn đồng bộ với lỗ khoá đầu nẹp (hoặc tương đương)	cái	60
16.3	Vis khóa titan Ø5.0mm các cỡ	Chất liệu hợp kim titan ; đường kính 5.0mm , dài 30-50mm ; thân vis ren toàn phần ; mũ vis có lõm bắt vis hình sao và có ren khoá gắn đồng bộ với lỗ khoá thân nẹp (hoặc tương đương)	cái	120
16.4	Vis vỏ xương titan Ø4.5mm các cỡ	Chất liệu hợp kim titan ; đường kính 4.5mm ,dài 30-60mm ; thân vis ren toàn phần ; mũ vis có lõm bắt vis hình sao (hoặc tương đương)	cái	100
17	**Bộ nẹp khóa titan đầu trên xương đùi các cỡ (dùng vis khóa 5.0mm)**	Bộ nẹp gồm : 1 nẹp, 4 vis khóa xốp 5.0mm , 4 vis khóa 5.0mm, 5 vis vỏ xương 4.5mm (hoặc tương đương)	Bộ	30 (bộ)
17.1	Nẹp khóa titan đầu trên xương đùi các cỡ (dùng vis khóa Ø5.0mm)	Chất liệu hợp kim titan ; hình dạng và kích cỡ phù hợp mặt ngoài đầu trên xương đùi ; đầu nẹp có các lỗ vis khóa tròn (dùng vis khóa xốp 5.0mm) , thân nẹp có từ 5-10 lỗ khóa đôi hình bầu dục (dùng vis khóa 5.0mm và vis vỏ xương 4.5mm) (hoặc tương đương)	cái	30
17.2	Vis khóa xốp titan Ø5.0mm các cỡ	Chất liệu hợp kim titan ; đường kính 5.0mm , dài 50-90mm ; thân vis ren toàn phần, khoảng cách ren 2-3mm (kiểu vis xương xốp) ; mũ vis có lõm bắt vis hình sao và có ren khoá gắn đồng bộ với lỗ khoá thân nẹp (hoặc tương đương)	cái	120
17.3	Vis khóa titan Ø5.0mm các cỡ	Chất liệu hợp kim titan ; đường kính 5.0mm , dài 30-70mm ; thân vis ren toàn phần ; mũ vis có lõm bắt vis hình sao và có ren khoá gắn đồng bộ với lỗ khoá thân nẹp (hoặc tương đương)	cái	120
17.4	Vis vỏ xương titan Ø4.5mm các cỡ	Chất liệu hợp kim titan ; đường kính 4.5mm ,dài 30-70mm ; thân vis ren toàn phần ; mũ vis có lõm bắt vis hình sao (hoặc tương đương)	cái	150
18	**Bộ nẹp khóa titan đầu dưới xương đùi các cỡ**	Bộ nẹp gồm : 1 nẹp, 4 vis khóa xốp 5.0mm , 4 vis khóa 5.0mm, 4 vis vỏ xương 4.5mm (hoặc tương đương)	Bộ	40 (bộ)
18.1	Nẹp khóa titan đầu dưới xương đùi các cỡ	Chất liệu hợp kim titan ; hình dạng và kích cỡ phù hợp mặt ngoài đầu dưới xương đùi ; đầu nẹp có các lỗ vis khóa tròn (dùng vis khóa 5.0mm) , thân nẹp có từ 5-10 lỗ khóa đôi hình bầu dục (dùng vis khóa 5.0mm và vis vỏ xương 4.5mm) (hoặc tương đương)	cái	40
18.2	Vis khóa xốp titan Ø5.0mm các cỡ	Chất liệu hợp kim titan ; đường kính 5.0mm , dài 50-90mm ; thân vis ren toàn phần, khoảng cách ren 2-3mm (kiểu vis xương xốp) ; mũ vis có lõm bắt vis hình sao và có ren khoá gắn đồng bộ với lỗ khoá thân nẹp (hoặc tương đương)	cái	160
18.3	Vis khóa titan Ø5.0mm các cỡ	Chất liệu hợp kim titan ; đường kính 5.0mm , dài 30-90mm ; thân vis ren toàn phần ; mũ vis có lõm bắt vis hình sao và có ren khoá gắn đồng bộ với lỗ khoá thân nẹp (hoặc tương đương)	cái	160
18.4	Vis vỏ xương titan Ø4.5mm các cỡ	Chất liệu hợp kim titan ; đường kính 4.5mm ,dài 30-70mm ; thân vis ren toàn phần ; mũ vis có lõm bắt vis hình sao (hoặc tương đương)	cái	160
19	**Bộ nẹp khóa titan đầu trên xương chày mặt ngoài các cỡ**	Bộ nẹp gồm : 1 nẹp, 7 vis khóa 5.0mm, 1 Vis xương xốp 6.5mm , 4 vis vỏ xương 4.5mm (hoặc tương đương)	Bộ	80 (bộ)

STT	Tên hàng hóa	Mô tả, tính năng, đặc tính kỹ thuật hoặc tương đương	Đơn vị tính	Số lượng
19.1	Nẹp khóa titan đầu trên xương chày mặt ngoài các cỡ	Chất liệu hợp kim titan ; hình dạng và kích cỡ phù hợp mặt ngoài đầu trên xương chày; đầu nẹp có 3 lổ vis khóa tròn (dùng vis khóa 5.0mm) và 1 lổ hình bầu dục để nén ép mặt gãy (dùng vis xương xốp 6.5mm); thân nẹp có từ 5-10 lỗ khóa đôi hình bầu dục (dùng vis khóa 5.0mm và vis vỏ xương 4.5mm) (hoặc tương đương)	cái	80
19.2	Vis khóa titan Ø5.0mm các cỡ	Chất liệu hợp kim titan ; đường kính 5.0mm , dài 30-80mm ; thân vis ren toàn phần ; mũ vis có lõm bắt vis hình sao và có ren khoá gắn đồng bộ với lỗ khoá thân nẹp (hoặc tương đương)	cái	560
19.3	Vis xương xốp titan Ø6.5mm các cỡ	Chất liệu hợp kim titan ; đường kính 6.5mm , dài 30-80mm ; thân vis ren toàn phần hoặc bán phần (kiểu vis xương xốp) ; mũ vis có lõm bắt vis hình sao (hoặc tương đương)	cái	80
19.4	Vis vỏ xương titan Ø4.5mm các cỡ	Chất liệu hợp kim titan ; đường kính 4.5mm ,dài 30-60mm ; thân vis ren toàn phần ; mũ vis có lõm bắt vis hình sao (hoặc tương đương)	cái	320
20	**Bộ nẹp khóa titan nâng đỡ mâm chày chữ T các cỡ**	Bộ nẹp gồm : 1 nẹp, 7 vis khóa 5.0mm, 4 vis vỏ xương 4.5mm (hoặc tương đương)	Bộ	20 (bộ)
20.1	Nẹp khóa titan nâng đỡ mâm chày chữ T các cỡ	Chất liệu hợp kim titan ; hình dạng chữ T (hoặc chữ L) và kích cỡ phù hợp mặt ngoài mâm chày trong ; đầu nẹp có 2-3 lổ vis khóa đôi hình bầu dục (dùng vis khóa 5.0mm và vis xương xốp 6.5mm) ; thân nẹp có từ 5-10 lỗ khóa đôi hình bầu dục (dùng vis khóa 5.0mm và vis vỏ xương 4.5mm) (hoặc tương đương)	cái	20
20.2	Vis khóa titan Ø5.0mm các cỡ	Chất liệu hợp kim titan ; đường kính 5.0mm , dài 30-80mm ; thân vis ren toàn phần ; mũ vis có lõm bắt vis hình sao và có ren khoá gắn đồng bộ với lỗ khoá thân nẹp (hoặc tương đương)	cái	140
20.3	Vis vỏ xương titan Ø4.5mm các cỡ	Chất liệu hợp kim titan ; đường kính 4.5mm ,dài 30-60mm ; thân vis ren toàn phần ; mũ vis có lõm bắt vis hình sao (hoặc tương đương)	cái	80
21	**Bộ nẹp khóa titan đầu trên xương chày mặt trong các cỡ (dùng vis khóa 3.5mm)**	Bộ nẹp gồm : 1 nẹp, 8 vis khóa 3.5mm, 4 vis vỏ xương 3.5mm- Tiêu chuẩn EU - Đóng gói, tiệt trùng bằng Ethylene Oxyde tại nhà sản xuất (hoặc tương đương)	Bộ	15 (bộ)
21.1	Nẹp khóa titan đầu trên xương chày mặt trong các cỡ (dùng vis khóa 3.5mm)	Chất liệu hợp kim titan ; hình dạng chữ T phù hợp mặt ngoài mâm chày trong ; đầu nẹp có 3 lổ vis khóa tròn (dùng vis khóa 3.5mm) ; thân nẹp có từ 4-10 lỗ khóa tròn và lỗ khóa đôi hình bầu dục (dùng vis khóa 3.5mm và vis vỏ xương 3.5mm) (hoặc tương đương)	cái	15
21.2	Vis khóa titan Ø3.5mm các cỡ	Chất liệu hợp kim titan ; đường kính 3.5mm, dài 30-60mm ; thân vis ren toàn phần ; mũ vis có lõm bắt vis hình sao và có ren khoá gắn đồng bộ với lỗ khoá thân nẹp (hoặc tương đương)	cái	120
21.3	Vis vỏ xương titan Ø3.5mm các cỡ	Chất liệu hợp kim titan ; đường kính 3.5mm ,dài 30-50mm ; thân vis ren toàn phần ; mũ vis có lõm bắt vis hình sao (hoặc tương đương)	cái	60
22	**Bộ nẹp khóa titan thẳng thân xương chày các cỡ**	Bộ nẹp gồm : 1 nẹp, 8 vis khóa 5.0mm, 4 vis vỏ xương 4.5mm - Tiêu chuẩn EU - Đóng gói, tiệt trùng bằng Ethylene Oxyde tại nhà sản xuất (hoặc tương đương)	Bộ	15 (bộ)
22.1	Nẹp khóa titan thẳng thân xương chày các cỡ	Chất liệu hợp kim titan ; hình dạng thẳng với độ dày nẹp 4.0-5.5mm, độ rộng nẹp 12-16mm, có 8-12 lỗ khóa đôi hình bầu dục (dùng vis khóa 5.0mm và vis vỏ xương 4.5mm) (hoặc tương đương)	cái	15
22.2	Vis khóa titan Ø5.0mm các cỡ	Chất liệu hợp kim titan ; đường kính 5.0mm , dài 30-50mm ; thân vis ren toàn phần ; mũ vis có lõm bắt vis hình sao và có ren khoá gắn đồng bộ với lỗ khoá thân nẹp (hoặc tương đương)	cái	120
22.3	Vis vỏ xương titan Ø4.5mm các cỡ	Chất liệu hợp kim titan ; đường kính 4.5mm ,dài 30-60mm ; thân vis ren toàn phần ; mũ vis có lõm bắt vis hình sao (hoặc tương đương)	cái	90

STT	Tên hàng hóa	Mô tả, tính năng, đặc tính kỹ thuật hoặc tương đương	Đơn vị tính	Số lượng
23	**Bộ nẹp khóa titan đầu dưới xương chày mặt ngoài các cỡ (dùng vis khóa 5mm)**	Bộ nẹp gồm : 1 nẹp, 8 vis khóa 5.0mm, 4 vis vỏ xương 4.5mm (hoặc tương đương)	Bộ	15 (bộ)
23.1	Nẹp khóa titan đầu dưới xương chày mặt ngoài các cỡ (dùng vis khóa 5mm)	Chất liệu hợp kim titan ; hình dạng và kích cỡ phù hợp mặt ngoài đầu dưới xương chày; đầu nẹp có các lỗ vis khóa tròn (dùng vis khóa 5.0mm) ; thân nẹp có từ 5-10 lỗ khóa đôi hình bầu dục (dùng vis khóa 5.0mm và vis vỏ xương 4.5mm) (hoặc tương đương)	cái	15
23.2	Vis khóa titan Ø5.0mm các cỡ	Chất liệu hợp kim titan ; đường kính 5.0mm , dài 30-60mm ; thân vis ren toàn phần ; mũ vis có lõm bắt vis hình sao và có ren khoá gắn đồng bộ với lỗ khoá thân nẹp (hoặc tương đương)	cái	120
23.3	Vis vỏ xương titan Ø4.5mm các cỡ	Chất liệu hợp kim titan ; đường kính 4.5mm ,dài 30-60mm ; thân vis ren toàn phần ; mũ vis có lõm bắt vis hình sao (hoặc tương đương)	cái	60
24	**Bộ nẹp khóa titan đầu dưới xương chày mặt ngoài các cỡ (dùng vis khóa 4mm)**	Bộ nẹp gồm : 1 nẹp, 10 vis khóa 4.0mm, 5 vis vỏ xương 3.5mm (hoặc tương đương)	Bộ	20 (bộ)
24.1	Nẹp khóa titan đầu dưới xương chày mặt ngoài các cỡ (dùng vis khóa 4mm)	Chất liệu hợp kim titan ; hình dạng chữ L phù hợp mặt ngoài đầu dưới xương chày ; trái / phải ; đầu nẹp có các lỗ vis khóa tròn (dùng vis khóa 4.0mm) ; thân nẹp có từ 5-10 lỗ khóa đôi hình bầu dục (dùng vis khóa 4.0mm và vis vỏ xương 3.5mm) (hoặc tương đương)	cái	20
24.2	Vis khóa titan Ø4.0mm các cỡ	Chất liệu hợp kim titan ; đường kính 4.0mm, dài 30-60mm ; thân vis ren toàn phần ; mũ vis có lõm bắt vis hình sao và có ren khoá gắn đồng bộ với lỗ khoá thân nẹp (hoặc tương đương)	cái	200
24.3	Vis vỏ xương titan Ø3.5mm các cỡ	Chất liệu hợp kim titan ; đường kính 3.5mm ,dài 30-50mm ; thân vis ren toàn phần ; mũ vis có lõm bắt vis hình sao (hoặc tương đương)	cái	100
25	**Bộ nẹp khóa titan đầu dưới xương chày mặt trong các cỡ (dùng vis khóa 4mm)**	Bộ nẹp gồm : 1 nẹp, 10 vis khóa 4.0mm, 5 vis vỏ xương 3.5mm (hoặc tương đương)	Bộ	60 (bộ)
25.1	Nẹp khóa titan đầu dưới xương chày mặt trong các cỡ (dùng vis khóa 4mm)	Chất liệu hợp kim titan ; hình dạng và kích cỡ phù hợp mặt trong đầu dưới x. chày ; trái / phải; đầu nẹp có các lỗ vis khóa tròn (dùng vis khóa 4.0mm) ; thân nẹp có từ 5-12 lỗ khóa đôi hình bầu dục (dùng vis khóa 4.0mm và vis vỏ xương 3.5mm) (hoặc tương đương)	cái	60
25.2	Vis khóa titan Ø4.0mm các cỡ	Chất liệu hợp kim titan ; đường kính 4.0mm, dài 30-60mm ; thân vis ren toàn phần ; mũ vis có lõm bắt vis hình sao và có ren khoá gắn đồng bộ với lỗ khoá thân nẹp (hoặc tương đương)	cái	600
25.3	Vis vỏ xương titan Ø3.5mm các cỡ	Chất liệu hợp kim titan ; đường kính 3.5mm ,dài 30-50mm ; thân vis ren toàn phần ; mũ vis có lõm bắt vis hình sao (hoặc tương đương)	cái	300
26	**Bộ nẹp khóa titan đầu dưới xương mác các cỡ (dùng vis khóa 3.5mm)**	Bộ nẹp gồm : 1 nẹp, 7 vis khóa 3.5mm, 4 vis vỏ xương 3.5mm - Tiêu chuẩn EU - Đóng gói, tiệt trùng bằng Ethylene Oxyde tại nhà sản xuất (hoặc tương đương)	Bộ	30 (bộ)
26.1	Nẹp khóa titan đầu dưới xương mác các cỡ (dùng vis khóa 3.5mm)	Chất liệu hợp kim titan ; hình dạng và kích cỡ phù hợp mặt ngoài đầu dưới x. mác ; đầu nẹp có các lỗ vis khóa tròn (dùng vis khóa 3.5mm) ; thân nẹp có lỗ nén ép hình bầu dục (dùng vis vỏ xương 3.5mm) và 2-5 lỗ khóa đôi hình bầu dục (dùng vis khóa 3.5mm và vis vỏ xương 3.5mm) (hoặc tương đương)	cái	30
26.2	Vis khóa titan Ø3.5mm các cỡ	Chất liệu hợp kim titan ; đường kính 3.5mm, dài 16-30mm ; thân vis ren toàn phần ; mũ vis có lõm bắt vis hình sao và có ren khoá gắn đồng bộ với lỗ khoá thân nẹp (hoặc tương đương)	cái	210
26.3	Vis vỏ xương titan Ø3.5mm các cỡ	Chất liệu hợp kim titan ; đường kính 3.5mm ,dài 16-30mm ; thân vis ren toàn phần ; mũ vis có lõm bắt vis hình sao (hoặc tương đương)	cái	120
27	**Bộ nẹp khóa titan đầu dưới xương mác các cỡ (dùng vis khóa 3.5mm và 2.7mm)**	Bộ nẹp gồm : 1 nẹp, 6 vis khóa 2.7mm, 5 vis khóa 3.5mm, 4 vis vỏ xương 3.5mm (hoặc tương đương)	Bộ	30 (bộ)

STT	Tên hàng hóa	Mô tả, tính năng, đặc tính kỹ thuật hoặc tương đương	Đơn vị tính	Số lượng
27.1	Nẹp khóa titan đầu dưới xương mác các cỡ (dùng vis khóa 3.5mm)	Chất liệu hợp kim titan ; hình dạng và kích cỡ phù hợp mặt ngoài đầu dưới x. mác ; đầu nẹp có các lỗ vis khóa tròn (dùng vis khóa 2.7mm) ; thân nẹp có từ 4-10 lỗ khóa đôi hình bầu dục (dùng vis khóa 3.5mm và vis vỏ xương 3.5mm) (hoặc tương đương)	cái	30
27.2	Vis khóa titan Ø2.7mm các cỡ	Chất liệu hợp kim titan ; đường kính 2.7mm, dài 14-26mm ; thân vis ren toàn phần ; mũ vis có lõm bắt vis hình sao và có ren khoá gắn đồng bộ với lỗ khoá đầu nẹp (hoặc tương đương)	cái	180
27.3	Vis khóa titan Ø3.5mm các cỡ	Chất liệu hợp kim titan ; đường kính 3.5mm, dài 16-30mm ; thân vis ren toàn phần ; mũ vis có lõm bắt vis hình sao và có ren khoá gắn đồng bộ với lỗ khoá thân nẹp (hoặc tương đương)	cái	150
27.4	Vis vỏ xương titan Ø3.5mm các cỡ	Chất liệu hợp kim titan ; đường kính 3.5mm ,dài 16-30mm ; thân vis ren toàn phần ; mũ vis có lõm bắt vis hình sao (hoặc tương đương)	cái	120
28	Mũi khoan xương cỡ nhỏ	Chất liệu thép y tế ; Mũi khoan có đường kính 1.5-3.0mm (hoặc tương đương)	cái	20
29	Mũi khoan xương cỡ lớn	Chất liệu thép y tế ; Mũi khoan có đường kính 3.2-5.0mm (hoặc tương đương)	cái	20
30	Chỉ thép 0.9-1.1mm	Chất liệu thép y tế ; đường kính 0.9-1mm, cuộn dài 5-10m (hoặc tương đương)	cuộn	20
31	Chỉ thép 0.6-0.8mm	Chất liệu thép y tế ; đường kính 0.6-0.8mm, cuộn dài 5-10m (hoặc tương đương)	cuộn	15
32	Chỉ thép 0.4-0.5mm	Chất liệu thép y tế ; đường kính 0.4-0.5mm, cuộn dài 5-10m (hoặc tương đương)	cuộn	10
33	Kim Kirschner không ren loại nhỏ các cỡ	Chất liệu thép y tế ; đường kính 1- 2mm ; chiều dài 250-300mm ; 2 đầu nhọn không ren (hoặc tương đương)	cái	1.000
34	Kim Kirschner không ren loại lớn các cỡ	Chất liệu thép y tế ; đường kính 2.5-3mm ; chiều dài 250-300mm ; 1 hoặc 2 đầu nhọn không ren (hoặc tương đương)	cái	600
35	Kim Kirschner có ren các cỡ	Chất liệu thép y tế ; đường kính 1.2 -2.5mm ; chiều dài 200-300mm; đầu nhọn có ren (hoặc tương đương)	cái	200
36	Đinh Steinmann các cỡ	Chất liệu thép y tế ; đường kính 4 - 4.5mm ; chiều dài 170-250mm; một đầu vát nhọn (hoặc tương đương)	cái	100
37	Khung móng ngựa để kéo tạ	Chất liệu thép y tế không rỉ ; hình dạng móng ngựa, có khóa cố định vào đinh Steinmann chống trượt và có kèm dây thừng nilon chắc chắn để buộc vào tạ kéo. (hoặc tương đương)	cái	30
38	Vòng đệm thép không gỉ cỡ lớn	Chất liệu thép không gỉ y tế ; kích thước phù hợp bắt vis xốp 6.5mm Tiêu chuẩn ISO 13485 /CE/FDA (hoặc tương đương)	cái	150
39	Xương nhân tạo dạng hạt các cỡ	Xương nhân tạo bao gồm hydroxyapatite (HAP >= 60wt%) và beta-tricalcium phosphate (β-TCP >=40wt%). Hydroxyapatite là một thành phần có chứa khoáng chất của chất nền xương và răng; β-TCP là canxi photphat có thể hấp thụ sinh học. Tương thích sinh học cao, an toàn, không gây phản ứng viêm. Khi được cấy vào chỗ khuyết xương, β-TCP có thể được hấp thụ dần dần và được thay thế bởi mô xương và HAP có thể có liên kết hoạt tính sinh học với xương mới để cuối cùng trở thành một phần của xương. Có độ xốp cao >= 70%. Ngoài ra các lỗ xốp được kết nối với nhau với kích thước lỗ 300 ~ 600µm, có thể làm mô xương phát triển để đạt được mục đích tạo xương mới và chữa lành xương. (hoặc tương đương)	Hộp	10
40	Vis khóa titan Ø2.4mm các cỡ	Chất liệu hợp kim titan ; đường kính 2.4mm, dài 16-30mm ; thân vis ren toàn phần ; mũ vis có lõm bắt vis hình sao và có ren khoá mặt ngoài (hoặc tương đương)	cái	100

STT	Tên hàng hóa	Mô tả, tính năng, đặc tính kỹ thuật hoặc tương đương	Đơn vị tính	Số lượng
41	Vis khóa titan Ø2.7mm các cỡ	Chất liệu hợp kim titan ; đường kính 2.7mm, dài 16-30mm ; thân vis ren toàn phần ; mũ vis có lõm bắt vis hình sao và có ren khoá mặt ngoài (hoặc tương đương)	cái	100
42	Vis khóa titan Ø3.5mm các cỡ *(loại 1)*, mũ vis Ø5.5-5.9mm hình sao	Chất liệu hợp kim titan ; đường kính 3.5mm, dài 16-50mm ; thân vis ren toàn phần ; mũ vis đường kính 5.5-5.9mm có lõm bắt vis hình sao và có ren khoá mặt ngoài (hoặc tương đương)	cái	200
43	Vis khóa titan Ø3.5mm các cỡ *(loại 2)*, mũ vis Ø4.8-5.2mm hình sao	Chất liệu hợp kim titan ; đường kính 3.5mm, dài 16-50mm ; thân vis ren toàn phần ; mũ vis đường kính 4.8-5.2mm có lõm bắt vis hình sao và có ren khoá mặt ngoài (hoặc tương đương)	cái	200
44	Vis khóa titan Ø4mm các cỡ , mũ vis Ø5.5-5.9mm hình sao	Chất liệu hợp kim titan ; đường kính 4.0mm, dài 20-60mm ; thân vis ren toàn phần ; mũ vis đường kính 5.5-5.9mm có lõm bắt vis hình sao và có ren khoá mặt ngoài (hoặc tương đương)	cái	400
45	Vis khóa titan Ø5mm các cỡ *(loại 1)*, mũ vis Ø6.7-7.1mm hình sao	Chất liệu hợp kim titan ; đường kính 5.0mm, dài 30-90mm ; thân vis ren toàn phần ; mũ vis đường kính 6.7-7.1mm có lõm bắt vis hình sao và có ren khoá mặt ngoài (hoặc tương đương)	cái	200
46	Vis khóa titan Ø5.0mm các cỡ *(loại 2)*, mũ vis Ø6.3-6.6mm hình sao	Chất liệu hợp kim titan ; đường kính 5.0mm, dài 30-90mm ; thân vis ren toàn phần ; mũ vis đường kính 6.3-6.6mm có lõm bắt vis hình sao và có ren khoá mặt ngoài (hoặc tương đương)	cái	200
47	Vis vỏ xương titan Ø1,5-2mm các cỡ, mũ vis Ø3mm hình sao	Chất liệu hợp kim titan ; đường kính 1,5-2mm , dài 8-22mm ; thân vis ren toàn phần ; mũ vis có đường kính 3mm và có lõm bắt vis hình sao (hoặc tương đương)	cái	300
48	Vis vỏ xương titan Ø2.4mm các cỡ, mũ vis hình sao	Chất liệu hợp kim titan ; đường kính 2.4mm , dài 16-30mm ; thân vis ren toàn phần ; mũ vis có lõm bắt vis hình sao (hoặc tương đương)	cái	100
49	Vis vỏ xương titan Ø2.7mm các cỡ, mũ vis hình sao	Chất liệu hợp kim titan ; đường kính 2.7mm, dài 16-30mm ; thân vis ren toàn phần ; mũ vis có lõm bắt vis hình sao (hoặc tương đương)	cái	100
50	Vis vỏ xương thép không gỉ Ø3.5mm các cỡ, mũ vis hình sao	Chất liệu thép y tế; đường kính 3.5mm, dài 16-40mm ; thân vis ren toàn phần ; mũ vis có lõm bắt vis hình sao (hoặc tương đương)	cái	800
51	Vis vỏ xương thép không gỉ Ø4.5mm các cỡ, mũ vis hình sao	Chất liệu thép y tế; đường kính 4.5mm, dài 30-60mm ; thân vis ren toàn phần ; mũ vis có lõm bắt vis hình sao (hoặc tương đương)	cái	500
52	Vis xương xốp titan Ø6.5mm ren bán phần 32mm các cỡ, mũ vis hình sao	Chất liệu hợp kim titan ; đường kính 6.5mm, dài 50-80mm; đầu vis có ren dài 32mm (kiểu ren vis xốp) ; mũ vis có lõm bắt vis hình sao (hoặc tương đương)	cái	100
53	Vis xương xốp titan Ø6.5mm ren toàn phần các cỡ, mũ vis hình sao	Chất liệu hợp kim titan ; đường kính 6.5mm, dài 50-80mm; thân vis ren toàn phần (kiểu ren vis xốp) ; mũ vis có lõm bắt vis hình sao (hoặc tương đương)	cái	70
54	Vis xương xốp titan Ø3.5mm ren toàn phần các cỡ, mũ vis hình sao	Chất liệu hợp kim titan ; đường kính 3.5mm, dài 20-50mm; thân vis ren toàn phần (kiểu ren vis xốp) ; mũ vis có lõm bắt vis hình sao (hoặc tương đương)	cái	70
55	Nẹp khóa thép không gỉ xương đòn chữ S các cỡ, lỗ khóa tròn Ø5.6-6.0mm	Chất liệu thép y tế ; hình dạng chữ S và kích cỡ phù hợp mặt trên x.đòn ; trái/ phải ; thân nẹp có 6-10 lỗ khoá tròn (dùng vis khóa 3.5mm hoặc vis vỏ xương 3.5mm) ; lỗ khóa nẹp có đường kính 5.6-6.0mm (hoặc tương đương)	cái	30
56	Nẹp khóa thép không gỉ móc khớp cùng đòn các cỡ, lỗ khóa Ø5.6-6.0mm	Chất liệu thép y tế ; hình dạng có móc ở đầu nẹp và kích cỡ phù hợp đầu ngoài x. đòn-khớp cùng đòn; trái/ phải ; đầu nẹp có 3 lỗ khóa tròn (dùng vis khóa 3.5mm) và thân nẹp có từ 3-5 lỗ khóa tròn (dùng vis khóa 3.5mm hoặc vis vỏ xương 3.5mm) ; lỗ khóa nẹp có đường kính 5.6-6.0mm (hoặc tương đương)	cái	10
57	Nẹp khóa thép không gỉ đầu trên xương cánh tay các cỡ, lỗ khóa Ø5.6-6.0mm	Chất liệu thép y tế ; hình dạng và kích cỡ phù hợp đầu trên x. cánh tay ; đầu nẹp có 8 lỗ vis khóa tròn (dùng vis khóa 4.0mm) ; thân nẹp có từ 3-8 lỗ khoá đôi hình bầu dục (dùng vis khóa 4.0mm hoặc vis vỏ xương 3.5mm) ; lỗ khóa nẹp có đường kính 5.6-6.0mm (hoặc tương đương)	cái	20

STT	Tên hàng hóa	Mô tả, tính năng, đặc tính kỹ thuật hoặc tương đương	Đơn vị tính	Số lượng
58	Nẹp khóa thẳng thép không gỉ thân xương cánh tay các cỡ, lỗ khóa Ø5.6-6.0mm	Chất liệu thép y tế ; hình dạng thẳng có 8-12 lỗ khoá đôi hình bầu dục (dùng vis khóa 4.0mm hoặc vis vỏ xương 3.5mm) ; lỗ khóa nẹp có đường kính 5.6-6.0mm (hoặc tương đương)	cái	20
59	Nẹp khóa thẳng thép không gỉ thân xương cẳng tay các cỡ, lỗ khóa Ø5.6-6.0mm	Chất liệu thép y tế ; hình dạng thẳng có 6-12 lỗ khoá đôi hình bầu dục (dùng vis khóa 3.5mm và vis vỏ xương 3.5mm) ; độ dày nẹp 3.0-4.0 mm ; lỗ khóa nẹp có đường kính 5.6-6.0mm (hoặc tương đương)	cái	50
60	Nẹp nén ép bản nhỏ loại mỏng thép không gỉ các cỡ, độ dày nẹp 1.5-2.5mm	Chất liệu thép y tế ; hình dạng thẳng có 6-12 lỗ nén ép hình bầu dục (dùng vis vỏ xương 3.5mm) ; độ dày nẹp 1.5-2.5mm (hoặc tương đương)	cái	50
61	Nẹp khóa thép không gỉ mỏm khuỷu các cỡ, lỗ khóa Ø5.6-6.0mm	Chất liệu thép y tế; ; hình dạng và kích cỡ phù hợp mỏm khuỷu và đầu trên xương trụ ; trái/phải ; đầu nẹp có các lỗ khóa tròn (dùng vis khóa 3.5mm) , thân nẹp có từ 3-6 lỗ khoá đôi hình bầu dục (dùng vis khóa 3.5mm và vis vỏ xương 3.5mm) ; lỗ khóa nẹp có đường kính 5.6-6.0mm (hoặc tương đương)	cái	10
62	Nẹp khóa thép không gỉ đầu dưới xương quay các cỡ, lỗ khóa Ø5.6-6.0mm	Chất liệu thép y tế; hình dạng chữ T (trung tính hay nghiêng 45° trái/ phải) và kích cỡ phù hợp mặt trước đầu dưới x. quay; đầu nẹp có 3 lỗ khóa tròn (dùng vis khóa 3.5mm) , thân nẹp có từ 3-6 lỗ khoá đôi hình bầu dục (dùng vis khóa 3.5mm và vis vỏ xương 3.5mm) ; lỗ khóa nẹp có đường kính 5.6-6.0mm (hoặc tương đương)	cái	20
63	Nẹp chữ T xương bàn tay thép không gỉ các cỡ, độ dày nẹp 0,8-1,1mm	Chất liệu thép y tế; hình dạng chữ T hoặc L , đầu nẹp có 2 lỗ , thân nẹp có 3-4 lỗ ; độ dày nẹp 0,8-1,1mm, phù hợp cho gãy chỏm- thân xương bàn tay ; dùng vis vỏ xương 2.0mm (hoặc tương đương)	cái	30
64	Nẹp chữ T xương ngón tay thép không gỉ các cỡ, độ dày nẹp 0,5-0,7mm	Chất liệu thép y tế ; hình dạng chữ T hoặc L , đầu nẹp có 2 lỗ , thân nẹp có 3-4 lỗ ; độ dày nẹp 0,5-0,7mm, phù hợp cho gãy chỏm- thân xương ngón tay ; dùng vis vỏ xương 2.0mm (hoặc tương đương)	cái	50
65	Nẹp khóa thép không gỉ đầu trên xương đùi các cỡ, lỗ khóa Ø7.5-8.1mm	Chất liệu thép y tế ; hình dạng và kích cỡ phù hợp mặt ngoài đầu trên x. đùi ; đầu nẹp có các lỗ vis khóa tròn (dùng vis khóa 5.0mm) , thân nẹp có từ 5- 10 lỗ khoá đôi hình bầu dục (dùng vis khóa 5.0mm và vis vỏ xương 4.5mm); lỗ khóa nẹp có đường kính 7.5-8.1mm (hoặc tương đương)	cái	20
66	Nẹp khóa thép không gỉ đầu dưới xương đùi các cỡ, lỗ khóa Ø7.5-8.1mm	Chất liệu thép y tế; hình dạng và kích cỡ phù hợp mặt ngoài đầu dưới x. đùi; trái/phải ; đầu nẹp có các lỗ vis khóa tròn (dùng vis khóa 5.0mm) , thân nẹp có từ 5-10 lỗ khoá đôi hình bầu dục (dùng vis khóa 5.0mm và vis vỏ xương 4.5mm) ; lỗ khóa nẹp có đường kính 7.5-8.1mm (hoặc tương đương)	cái	15
67	Nẹp khóa thép không gỉ nâng đỡ mâm chày chữ T các cỡ, lỗ khóa Ø7.5-8.1mm	Chất liệu thép y tế ; hình dạng chữ T (hoặc chữ L) và kích cỡ phù hợp mặt ngoài mâm chày trong ; đầu nẹp có 2-3 lỗ vis khóa đôi hình bầu dục (dùng vis khóa 5.0mm và vis xương xốp 6.5mm) ; thân nẹp có từ 4-10 lỗ khóa đôi hình bầu dục (dùng vis khóa 5.0mm và vis vỏ xương 4.5mm) ; lỗ khóa nẹp có đường kính 7.5-8.1mm (hoặc tương đương)	cái	10
68	Nẹp khóa thép không gỉ đầu trên xương chày mặt ngoài các cỡ , lỗ khóa Ø7.5-8.1mm	Chất liệu thép y tế ; hình dạng và kích cỡ phù hợp mặt ngoài đầu trên xương chày; đầu nẹp có 3 lỗ vis khóa tròn (dùng vis khóa 5.0mm) và 1 lỗ hình bầu dục để nén ép mặt gãy (dùng vis xương xốp 6.5mm); thân nẹp có từ 5-10 lỗ khóa đôi hình bầu dục (dùng vis khóa 5.0mm và vis vỏ xương 4.5mm) ; lỗ khóa nẹp có đường kính 7.5-8.1mm (hoặc tương đương)	cái	30
69	Nẹp khóa thép không gỉ đầu dưới xương chày mặt ngoài các cỡ *(loại 1)* , lỗ khóa Ø7.5-8.1mm	Chất liệu thép y tế; hình dạng và kích cỡ phù hợp mặt ngoài đầu dưới xương chày; đầu nẹp có các lỗ vis khóa tròn (dùng vis khóa 5.0mm) ; thân nẹp có từ 5-10 lỗ khóa đôi hình bầu dục (dùng vis khóa 5.0mm và vis vỏ xương 4.5mm) ; lỗ khóa nẹp có đường kính 7.5-8.1mm (hoặc tương đương)	cái	10

STT	Tên hàng hóa	Mô tả, tính năng, đặc tính kỹ thuật hoặc tương đương	Đơn vị tính	Số lượng
70	Nẹp khóa thép không gỉ đầu dưới xương chày mặt ngoài các cỡ *(loại 2)* , lỗ khóa Ø5.6-6.0mm	Chất liệu thép y tế ; hình dạng chữ L phù hợp mặt ngoài đầu dưới xương chày ; trái / phải ; đầu nẹp có các lỗ vis khóa tròn (dùng vis khóa 4.0mm) ; thân nẹp có từ 5-10 lỗ khóa đôi hình bầu dục (dùng vis khóa 4.0mm và vis vỏ xương 3.5mm); lỗ khóa nẹp có đường kính 5.6-6.0mm (hoặc tương đương)	cái	10
71	Nẹp khóa thép không gỉ đầu dưới xương chày mặt trong các cỡ *(loại 3)* , lỗ khóa Ø5.6-6.0mm	Chất liệu thép y tế ; hình dạng và kích cỡ phù hợp mặt trong đầu dưới x. chày ; trái / phải; đầu nẹp có các lỗ vis khóa tròn (dùng vis khóa 4.0mm) ; thân nẹp có từ 5-12 lỗ khóa đôi hình bầu dục (dùng vis khóa 4.0mm và vis vỏ xương 3.5mm) ; lỗ khóa nẹp có đường kính 5.6-6.0mm (hoặc tương đương)	cái	20
72	Nẹp khóa thép không gỉ đầu dưới xương mác các cỡ lỗ khóa Ø5.6-6.0mm	Chất liệu thép y tế ; hình dạng và kích cỡ phù hợp mặt ngoài đầu dưới x. mác ; đầu nẹp có các lỗ vis khóa tròn (dùng vis khóa 3.5mm) ; thân nẹp có từ 4-7 lỗ khóa đôi hình bầu dục (dùng vis khóa 3.5mm và vis vỏ xương 3.5mm) ; lỗ khóa nẹp có đường kính 5.6-6.0mm (hoặc tương đương)	cái	20
73	Bộ nẹp móc titan xương bánh chè các cỡ	Chất liệu hợp kim titan ; hình dạng phù hợp mặt trước xương bánh chè gồm hai phần có 2 móc và 3 móc, được liên kết với nhau bằng 2 vis ngắn đi kèm; cỡ loại nhỏ và trung bình (hoặc tương đương)	Bộ	80
74	Bộ nẹp móc thép không gỉ xương bánh chè các cỡ	Chất liệu thép y tế; hình dạng phù hợp mặt trước xương bánh chè gồm hai phần có 2 móc và 3 móc, được liên kết với nhau bằng 2 vis ngắn đi kèm; cỡ loại nhỏ và trung bình (hoặc tương đương)	Bộ	30
75	Nẹp khóa thẳng thép không gỉ kiểu mắc xích tạo hình các cỡ, lỗ khóa tròn Ø5.6-6.0mm	Chất liệu thép y tế ; nẹp có hình dạng thẳng kiểu mắc xích và có thể uốn tạo hình, có 6-12 lỗ khoá tròn (dùng vis khóa 3.5mm và vis vỏ xương 3.5mm) ; lỗ khóa nẹp có đường kính 5.6-6.0mm (hoặc tương đương)	cái	30
76	Nẹp thẳng thép không gỉ loại mỏng kiểu mắc xích tạo hình các cỡ, độ dày nẹp 1.5-2.5mm	Chất liệu thép y tế ; hình dạng thẳng kiểu mắc xích và có thể uốn tạo hình ; có 6-12 lỗ hình bầu dục (dùng vis vỏ xương 3.5mm) ; độ dày nẹp 1.5-2.5mm (hoặc tương đương)	cái	50
77	Nẹp khoá lòng máng titan các cỡ, lỗ khóa tròn Ø5.6-6.0mm	Chất liệu hợp kim titan ; hình dạng thẳng, tiết diện nẹp tương ứng 1/3 ống ; có 6-10 lỗ khoá tròn (dùng vis khóa 3.5mm và vis vỏ xương 3.5mm) ; lỗ khóa nẹp có đường kính 5.6-6.0mm (hoặc tương đương)	cái	20
78	Bộ đinh chốt titan đầu trên xương đùi các cỡ loại ngắn (PFNA) có hai vis đầu trên bắt vào cổ xương đùi	Bộ đinh PFNA gồm : 1 đinh và 1 vis khóa chống xoay đinh ,1 vis nén đinh, 1 vis khóa đinh , 1 vis đậy nắp đinh - 1 Đinh chốt đầu trên xương đùi PFNA : Chất liệu hợp kim titan , đinh dạng rỗng lòng thiết kế theo chiều cong đầu trên xương đùi, chiều dài : 170-240mm , đầu gần của đinh có 2 lỗ cho vis khóa chống xoay và vis nén đinh nội tủy với góc nghiêng 125-130 độ, thân đinh đường kính 9-11mm có lỗ cho vis chốt tĩnh / động ở đầu xa, - 1 vis khóa chống xoay đinh PFNA (bắt vào cổ xương đùi) : chất liệu hợp kim titan, chiều dài 65 mm -120 mm - 1 vis khóa đinh PFNA: chất liệu hợp kim titan , đường kính 5mm, chiều dài 20 mm - 120 mm - 1 vis đậy nắp đinh PFNA: chất liệu hợp kim titan Tiêu chuẩn chất lượng: ISO, CE, FDA (hoặc tương đương)	Bộ	35

STT	Tên hàng hóa	Mô tả, tính năng, đặc tính kỹ thuật hoặc tương đương	Đơn vị tính	Số lượng
79	Bộ đinh chốt titan đầu trên xương đùi các cỡ loại ngắn chống xoay (PFNA) ,có một vis đầu trên bắt vào cổ xương đùi	Bộ đinh gồm : 1 đinh và 1 vis cổ xương đùi, 2 vis chốt 1 Đinh: Hợp kim titanium TC4 - Thiết kế: loại thân đinh rỗng. Phần thân trên đinh chốt tạo góc 5 độ với thân đinh và có đường kính 15.5mm, đầu đinh có 1 lỗ chéo để bắt vít nén ép titanium đường kính 10mm để cố định vùng cổ xương đùi góc 135 độ, mũi đinh có xẽ 4 rãnh giải áp giúp dễ đóng ép vào thân xương đùi, thân đinh có 2 lỗ để bắt vít chốt titanium tròn đường kính 5.0mm. Đinh có nắp đậy đầu đinh cao từ 5mm đến 20mm để bảo vệ vùng ren tháo rút đinh chốt và cố định vít nén ép cổ xương đùi. - Đường kính thân đinh có nhiều kích cỡ 9.0-9.5mm, 10.0-10.5mm , 11mm và chiều dài đinh từ 180- 240mm 1 Vis nén ép cổ xương đùi : chất liệu hợp kim titanium TC4 ; đường kính thân vis 10.0mm, đầu vít rỗng ổ lục giác có nắp vít rỗng, thân vis bán phần dài 42mm, mũi vít lưỡi xoắn. ; có nhiều kích cỡ từ 70-100mm với bước tăng là 5mm 2 Vis chốt : đường kính 5.0mm ; chất liệu hợp kim titanium TC4 ; đường kính thân vis 5.0mm, đường kính ngoài mũ vis 6.9mm, đầu vis hình lục giác, thân vis toàn ren ; có nhiều kích cỡ từ 30-80mm với bước tăng là 5mm Tiêu chuẩn chất lượng: ISO, FDA. (hoặc tương đương)	Bộ	30
80	Bộ đinh chốt titan đầu trên xương đùi các cỡ loại dài	Bộ đinh gồm: 1 đinh và 1 vis cổ xương đùi, 2 vis chốt 1 Đinh: Hợp kim titanium TC4 - Thiết kế: loại thân đinh rỗng , phân biệt trái/phải ; Phần trên đinh chốt tạo góc 5 độ với thân đinh và có đường kính 15.5mm, đầu đinh có 1 lỗ chéo để bắt vít nén ép titanium đường kính 10mm để cố định vùng cổ xương đùi góc 135 độ, vùng mũi thân đinh có mặt vát định vị giúp khung xác định vị trí khoan lỗ chốt, mũi thân đinh có 2 lỗ tròn để bắt vít chốt titanium đường kính 5.0mm. Đinh có nắp đậy đầu đinh cao từ 5mm đến 20mm để bảo vệ vùng ren tháo rút đinh chốt và cố định vít nén ép cổ xương đùi. - Đường kính thân đinh có nhiều kích cỡ 9.0-9.5mm, 10.0-10.5mm , 11mm và chiều dài đinh từ 340-400mm - 1 Vis nén ép cổ xương đùi : chất liệu hợp kim titanium TC4 ; đường kính thân vis 10.0mm, đầu vít rỗng ổ lục giác có nắp vít rỗng, thân vít bán phần dài 42mm, mũi vít lưỡi xoắn. ; có nhiều kích cỡ từ 70-100mm với bước tăng là 5mm - 2 Vis chốt : đường kính 5.0mm ; chất liệu hợp kim titanium TC4 ; đường kính thân vis 5.0mm, đường kính ngoài mũ vis 6.9mm, đầu vis hình lục giác, thân vis toàn ren ; có nhiều kích cỡ từ 30-80mm với bước tăng là 5mm Tiêu chuẩn chất lượng: ISO, FDA. (hoặc tương đương)	Bộ	10
81	Bộ đinh chốt titan xương đùi đa hướng các cỡ	Bộ đinh gồm : 1 đinh và 4 vis chốt 1 Đinh: Hợp kim titanium TC4 - Thiết kế: loại thân đinh rỗng , phân biệt trái/phải ; đầu đinh có 3 lỗ chốt (2 lỗ chốt chéo cố định vùng cổ xương đùi góc 135 độ) và 1 lỗ vis chốt động để giúp tì đè nén ép mặt gãy; vùng mũi thân đinh có mặt vát định vị giúp khung xác định vị trí khoan lỗ chốt, mũi đinh có 2 lỗ chốt. Đinh có nắp đậy đầu đinh cao từ 0-15mm để bảo vệ vùng ren tháo rút đinh chốt. - Đường kính thân đinh có nhiều kích cỡ 9.0-9.5mm, 10.0-10.5mm , 11mm và chiều dài đinh từ 340-400mm 4 Vis chốt : bao gồm 4 vis đường kính 5.0mm hoặc 2 vis đường kính 5.0mm và 2 vis đường kính 6.5mm - Vis chốt đường kính 5.0mm : chất liệu hợp kim titanium TC4 ; đường kính thân vis 5.0mm, đường kính ngoài mũ vis 6.9mm, đầu vis hình lục giác, thân vis toàn ren ; có nhiều kích cỡ từ 30-80mm với bước tăng là 5mm - Vis chốt đường kính 6.5mm : chất liệu hợp kim titanium TC4 ; đường kính thân vis 6.5mm, đầu vis rỗng ổ lục giác, thân vis ren bán phần ; có nhiều kích cỡ từ 65-100mm với bước tăng là 5mm Tiêu chuẩn chất lượng: ISO, FDA. (hoặc tương đương)	Bộ	30

STT	Tên hàng hóa	Mô tả, tính năng, đặc tính kỹ thuật hoặc tương đương	Đơn vị tính	Số lượng
82	Bộ đinh chốt titan xương chày đa hướng các cỡ	Bộ đinh gồm : 1 đinh và 4 vis chốt 1 Đinh: Hợp kim titanium TC4 - Thiết kế: loại thân đinh rỗng ; đầu đinh có 4 lỗ chốt đa hướng và 1 lỗ vis chốt động để giúp tì đè nén ép mặt gãy; vùng mũi thân đinh có mặt vát định vị giúp khung xác định vị trí khoan lỗ chốt, mũi đinh có 3 lỗ chốt tròn 2 hướng và 1 lỗ chốt tròn đa hướng nằm sát vùng xương trần chày. Đinh có nắp đậy đầu đinh cao từ 0-15mm để bảo vệ vùng ren tháo rút đinh chốt. - Đường kính thân đinh có nhiều kích cỡ 8.0-8.5mm, 9.0-9.5mm , 10.0-10.5mm và chiều dài đinh từ 280-360mm 4 Vis chốt : bao gồm 2 vis đường kính 4.3mm và 2 vis đường kính 5.0mm - Vis chốt đường kính 4.3mm : chất liệu hợp kim titanium TC4 ; đường kính thân vis 4.3mm, đường kính ngoài mũ vis 6.9mm, đầu vis hình lục giác, thân vis toàn ren ; có nhiều kích cỡ từ 30-60mm với bước tăng là 5mm - Vis chốt đường kính 5.0mm : chất liệu hợp kim titanium TC4 ; đường kính thân vis 5.0mm, đường kính ngoài mũ vít 6.9mm, đầu vis hình lục giác, thân vis toàn ren ; có nhiều kích cỡ từ 30-60mm với bước tăng là 5mm Tiêu chuẩn chất lượng: ISO, FDA. (hoặc tương đương)	Bộ	60
83	Đinh chốt đặc xương đùi, xương chày thép không gỉ các cỡ có 4 lỗ bắt vis (kiểu đinh SIGN)	- Chất liệu thép y khoa - Hình dạng kiểu đinh chốt SIGN : đinh đặc có 4 lỗ bắt vis (2 lỗ bắt đầu gần gồm 1 lỗ hình tròn và 1 lỗ hình bầu dục, 2 lỗ bắt đầu xa hình bầu dục), đinh gập góc ở đầu gần, đầu xa thuôn nhọn, thân đinh trơn - Đường kính đinh từ 8 -12mm , chiều dài đinh từ 280- 420mm - Tiêu chuẩn FDA , đồng bộ với vis chốt ngang kiểu SIGN. (hoặc tương đương)	cái	100
84	Vis chốt đinh nội tủy xương chày, xương đùi thép không gỉ các cỡ (kiểu vis SIGN)	- Chất liệu thép y tế - Hình dạng kiểu vis chốt SIGN : vis có đường kính 4.5mm và chiều dài 25-75mm, mũi vis có xẻ rãnh để tự tarô tạo ren, đầu bắt vít và đầu cổ mũ vis (phình lớn) đều có ren, đoạn giữa thân vis là trơn . - Tiêu chuẩn FDA, đồng bộ với đinh chốt SIGN. (hoặc tương đương)	cái	300
85	Cố định ngoài khung chậu	Chất liệu thép không gỉ; gồm 2 thanh thẳng , 2 thanh cong và 1 thanh thẳng ren toàn phần, 4 đinh Schantz và hệ thống ốc nối các thanh - đinh Schantz (hoặc tương đương)	Bộ	5
86	Cố định ngoài Liên mấu chuyển đùi	Chất liệu thép không gỉ ; gồm một thanh thẳng và hệ thống ốc nối 3 đinh Schantz (Ø4.0-5.0mm) gắn thân x. đùi với 2 đinh Schantz lớn (Ø5.5-6.0mm, dài 250-280mm, phần ren đầu đinh dài 50-60mm) gắn dọc trục cổ x. đùi, có thể chỉnh thụ động đa chiều ổ gãy đầu trên x đùi (hoặc tương đương)	Bộ	10
87	Cố định ngoài thẳng qua gối	Chất liệu thép không gỉ ; gồm 2 thanh thẳng dài 60-70cm ren toàn phần giống nhau, 4-6 đinh Schantz và hệ thống ốc nối các thanh ren-đinh Schantz (hoặc tương đương)	Bộ	15
88	Cố định ngoài thẳng cẳng chân	Chất liệu thép không gỉ ; gồm 2 thanh thẳng dài 30-35cm ren toàn phần giống nhau, 4-6 đinh Schantz và hệ thống ốc nối các thanh ren-đinh Schantz (hoặc tương đương)	Bộ	20
89	Cố định ngoài chữ T cẳng bàn chân	Chất liệu thép không gỉ; gồm 2 cặp thanh thẳng ren toàn phần dài và ngắn, 4-6 đinh Schantz và hệ thống ốc nối các thanh ren-đinh Schantz (hoặc tương đương)	Bộ	40
90	Cố định ngoài gần khớp dạng vòng	Chất liệu thép không gỉ; gồm 1 thanh thẳng dài và 1 thanh thẳng ngắn ren toàn phần, 1 thanh cong trơn, 5-6 đinh Schantz và hệ thống ốc nối các thanh -đinh Schantz (hoặc tương đương)	Bộ	20

STT	Tên hàng hóa	Mô tả, tính năng, đặc tính kỹ thuật hoặc tương đương	Đơn vị tính	Số lượng
91	Cố định ngoài cẳng tay	Chất liệu thép không gỉ; kiểu Hoffman; gồm 1 thanh thẳng , 2 đầu cặp đinh kích thước nhỏ, hệ thống ốc nối các thanh ; có thể chỉnh thụ động đa chiều ổ gãy xương chi trên . (hoặc tương đương)	Bộ	15
92	Khớp háng bán phần không xi măng, chuôi ngắn phủ Plasmapore	Stem: có taper 8/10 & 12/14, Biên độ xoay 135°, đường cắt xương 55°, có cánh & rãnh chống xoay chuyên biệt. Bề mặt vùng chịu lực chính ở đầu gần được phủ lớp với Công nghệ Plasmamore µ-CaP (calcium phosphate CaP) làm tăng tốc sự hình thành bề mặt xương tiếp xúc với chuôi khớp, * Chuôi làm bằng hợp kim ISOTAN F-Titanium forged alloy (Ti6Al4V / ISO 5832-3). Có 11 size chuẩn với kích cỡ và chiều dài như sau : 8:112mm, 9:116mm, 10:120mm, 11:124mm, 12:127mm, 13:131mm, 14:135mm, 15:138mm, 16:142mm, 17:146mm, 18:150mm. -Chiều dài chuôi (tính từ cổ chuôi đến cuối thân chuôi): 145-190mm -Bề mặt vùng chịu lực chính ở đầu gần phủ lớp titanium nhám Plasmapore dày 0.35mm * Head: Chất liệu hợp kim ISODUR F Cobalt-chromium forged alloy (CoCrMo / ISO 5832-12). Có taper 12/14. Có biên độ xoay 135°, đầu gắn chỏm 22.2mm cho Bipolar có đường kính 39mm - 51mm, chỏm 28mm cho Bipolar cho đường kính 43mm - 55mm. Có nhiều size S, M, L, XL, XXL. * Cup bipolar: chất liệu Ultra high molecular weight polyethylene UHMWPE bên trong , (ISO 5834-2), bên ngoài chất liệu Implant Stainless steel ISO 5832-1 có các size 39mm-55mm, có vòng khóa chống trật. Tiêu chuẩn: CE (hoặc tương đương)	Bộ	35
93	Khớp háng bán phần không xi măng, chuôi ngắn phủ TPS	1. Chuôi khớp (Stem) - Chất liệu hợp kim Titan TiA16V4, phủ phun plasma titan (TPS - Titan Plasma Spray) - Góc cổ thân 135 độ (standard) - Đầu chuôi dạng Taper 12/ 14 (5°42'30") - Kích cỡ chuôi (Stem Size): từ 6.25mm đến 20mm (mỗi size tăng 1.25mm) - Chiều dài chuôi (Stem Length): 135, 140, 145, 150, 155 mm. 2. Chỏm xương đùi (Modular head) - Chất liệu: Cobalt-Chrome (CoCr) - tiêu chuẩn DIN EN ISO 5832-4; - Đường kính đầu (head): đk 22mm: cổ dài (0; ±3.5; +7; +10.5); size: S, M, L, XL, XXL; đk 26, 28, 32, 36mm: cổ dài (0; ±3.5; +7; +10.5; +14; +17.5)mm; size S, M, L, XL, XXL, XXXL, XXXXL; cổ đầu 12/ 14 3. Đầu Bipolar - Bên ngoài thép không gỉ có hàm lượng Nitơ cao; bên trong vật liệu cao phân tử Ultra high polyetylen - Đường kính trong: 22; 28mm - Đường kính ngoài: từ 38mm đến 58mm (mỗi cỡ tăng 2mm) - Tiêu chuẩn ISO 13485, CE. (hoặc tương đương)	Bộ	30

STT	Tên hàng hóa	Mô tả, tính năng, đặc tính kỹ thuật hoặc tương đương	Đơn vị tính	Số lượng
94	Khớp háng toàn phần không xi măng, góc cổ thân chuôi 130 độ, chuôi phủ calcium phosphate (CaP) HX, LCU-CombiCup, Ceramic on Ceramic	01. Cuống xương đùi bên ngoài phủ toàn thân chuôi lớp điện hóa calcium phosphate phủ ngoài dày ≥ 15µm, bên trong là hợp kim Ti6A14V, chuôi dạng thẳng, có các rãnh dọc, rãnh ngang chống lún, chống xoay; bờ cạnh vuông, tiết diện hình chữ nhật/hình thang giúp cố định vững chắc, bảo tồn xương vùng mấu chuyển, tương thích giải phẫu học có 11 kích cỡ., đầu chuôi dạng Taper: 12/14mm, được đánh bóng đầu chuôi, góc cổ thân chuôi 130 độ, có chiều dài 115-190mm. 02. Đầu xương đùi bằng Ceramic: Kích cỡ: 32(-4,0,+4)mm, 36(-4,0,+4)mm, 40(-4,0,+4)mm. 03. Lớp đệm gốm bằng BIOLOX delta ceramic. Có chốt định tâm, các kích cỡ 28mm, 32mm, 36mm, 40mm 04.Ổ cối loại press fit làm bằng hợp kim titanium (Ti6Al4V), phủ ngoài lớp HA, kích cỡ từ 42-72mm, mỗi bước tăng 2mm, có các lỗ bắt vít hỗ trợ tương ứng với lớp đệm. 05. Vít bằng Titanium, đầu taro tự khoan, kích thước 6.5mm, chiều dài từ 20-60mm Có bộ dụng cụ mổ lối trước DDA Có chứng nhận tiêu chuẩn của ISO (hoặc tương đương)	Bộ	15
95	Khớp háng bán phần không xi măng chuôi dài 200-235mm, cuống khớp Pannon	Bao gồm: Đầu chỏm Bipolar, chỏm khớp, cuống khớp Pannon loại dài. * Đầu chỏm Bipolar: - Vật liệu : REX Steel/PE. - Kích cỡ : 41 – 55mm với mỗi bước tăng 1 mm và 58, 61mm. - Đầu chỏm có thiết kế Excentric-tự định vị tâm xoay theo lực tỳ đè giảm nguy cơ mòn ổ cối tập trung tại một điểm * Cuống khớp: Vật liệu : Titanium alloy. - Thiết kế phù hợp với giải phẫu giúp bảo tồn xương - Kích cỡ chuôi: 3, 4, 5, 6, 7, 8 9, 10 - Chiều dài chuôi: 190, 205, 210, 215, 220, 225, 230, 235mm. - Góc cổ chuôi: 135o. cổ côn 12/14 mm - Chuôi dạng không cổ, lớp phủ Titanium Plasma Spray 1/3 đầu gần, với thiết kế hình nêm cả hai chiều (kiểu Muller) - cố định tốt, chuyển tải lực phía đầu gần tốt hơn giúp xương can sớm. * Đầu Chỏm xương đùi - Vật liệu : REX Steel. - Đường kính: 28 mm (-3, +0, +3, +5, +8, +12). - Tiêu chuẩn: CE (hoặc tương đương)	Bộ	20
96	Khớp háng bán phần có xi măng chuôi dài 200-235mm	Bao gồm: Đầu chỏm Bipolar, chỏm khớp, cuống khớp loại dài, * Đầu chỏm Bipolar: - Vật liệu : REX Steel/PE. - Kích cỡ : 41 – 55mm với mỗi bước tăng 1 mm và 58, 61mm. - Đầu chỏm có thiết kế Excentric-tự định vị tâm xoay theo lực tỳ đè giảm nguy cơ mòn ổ cối tập trung tại một điểm * Cuống khớp: REX steel có hàm lượng nitrogen cao giúp có độ bền cao, chịu xoắn vặn (Độ chịu mỏi KL cao) chống mài mòn, ăn mòn KL - Góc cổ chuôi: 135 độ. - Kích cỡ chuôi: 0,1,2 và 3, 4, 5, 6, 7, 8 9, 10 - Chiều dài chuôi: 150 và 190, 205, 210, 215, 220, 225, 230, 235mm. * Đầu Chỏm xương đùi - Vật liệu : REX steel có hàm lượng nitrogen cao hoặc CoCr - Đường kính đầu: 28 mm (-3, +0, +3, +5, +8, +12). - Tiêu chuẩn: CE (hoặc tương đương)	Bộ	10

STT	Tên hàng hóa	Mô tả, tính năng, đặc tính kỹ thuật hoặc tương đương	Đơn vị tính	Số lượng
97	Khớp háng toàn phần không xi măng, chuôi phủ Plasmapore, lớp đệm kết hợp Vitamin E	Stem: có taper 8/10 & 12/14, biên độ xoay 135°, đường cắt xương 55°, có cánh & rãnh chống xoay chuyên biệt. Bề mặt vùng chịu lực chính ở đầu gần được phủ lớp với Công nghệ Plasmamore µ-CaP (calcium phosphate CaP) làm tăng tốc sự hình thành bề mặt xương tiếp xúc với chuôi khớp, * Chuôi làm bằng hợp kim ISOTAN F-Titanium forged alloy (Ti6Al4V / ISO 5832-3). Có 11 size chuẩn với kích cỡ và chiều dài như sau : 8:112mm, 9:116mm, 10:120mm, 11:124mm, 12:127mm, 13:131mm, 14:135mm, 15:138mm, 16:142mm, 17:146mm, 18:150mm. - Chiều dài chuôi (tính từ cổ chuôi đến cuối thân chuôi) 145-190mm. - Bề mặt vùng chịu lực chính ở đầu gần phủ lớp titanium nhám dày 0.35mm. * Liner:Chất liệu bằng Ultra high molecular weight polyethylene (ISO 5834-2) kết hợp Vitamine E - Độ dày lớp lót tại khu vực chịu lực chính, tối thiểu dày 5,5 mm. * Head: Có đường kính 22.2mm, 28mm, 32mm, 36mm, 40mm. Chất liệu ISODUR® F Cobalt-chromium forged alloy (CoCrMo / ISO 5832-12) * Ổ cối: Loại ổ cối Plasmafit phủ công nghệ độc quyền Plasmapore® Pure titanium (Ti / ISO 5832-2), Plasmapore CaP giúp mau liền xương từ 8-12 tuần, có các size từ 40mm - 70mm, có 3 lỗ bắt vít hướng 11h, 12h, 13h. Chất liệu Titanium forged alloy (Ti6Al4V / ISO 5832-3 * Vít: có các size 16mm, 20mm, 24mm, 28mm, 32mm, 36mm, 40mm, 44mm chất liệu ISOTAN® F Titanium forged alloy (Ti6Al4V / ISO 5832-3),góc xoay đa hướng +/- 9°. - Tiêu chuẩn: CE (hoặc tương đương)	Bộ	20
98	Khớp háng toàn phần không xi măng phủ TPS (Ceramic on PE) có gờ chống trượt 20 độ	1. Chuôi khớp (Stem) - Chất liệu hợp kim Titan TiA16V4 phủ TPS (Titan Plasma Spray) - Góc cổ thân 135 độ (standard) - Đầu chuôi dạng Taper 12/14 (5°42'30") - Kích cỡ chuôi (Stem Size): từ 6.25mm đến 20mm (mỗi size tăng 1.25mm) - Chiều dài chuôi (Stem Length): 135, 140, 145; 150, 155 mm. 2. Chỏm xương đùi (Modular head) - Chất liệu gốm (Ceramic) - Đường kính đầu (head): 28; 32; 36; cổ dài (0, ±3.5, +7, +10.5, +14, +17.5)mm; size S, M, L, XL, XXL, XXXL, XXXXL; cổ đầu 12/ 14 3. Ổ cối (Acetabular Press-fit Shell) - Chất liệu hợp kim Titan TiAl6V4, phủ TPS (Titan Plasma Spray) - Kích cỡ từ 38mm đến 82mm; mỗi cỡ tăng 2mm; - Trên ổ cối có 5 lỗ để bắt vít ổ cối. - Vít ổ cối: chất liệu hợp kim titanium TiAl64V gắn ổ cối với xương, đường kính 6.5mm; dài từ 25mm đến 50mm; mỗi bước tăng 5mm 4. Lót ổ cối (Inlay) - vật liệu cao phân tử Ultra high polyetylen (UHMWPE) có gờ chống trượt 20 độ- Đường kính trong: 22, 26, 28, 32, 36 mm; - Kích cỡ (size): 20, 21, 22, 23, 24, 25, 26, 27, 28, 29, 30, 31, 32,33,34,35. - Tiêu chuẩn ISO 13485, CE. (hoặc tương đương)	Bộ	15

STT	Tên hàng hóa	Mô tả, tính năng, đặc tính kỹ thuật hoặc tương đương	Đơn vị tính	Số lượng
99	Khớp gối toàn phần, gập gối tối đa 160 độ	Khớp gối cố định toàn phần mâm chày không đối xứng, chất liệu chính của Lồi Cầu và Mâm Chày làm bằng hợp kim Cobalt-Chrome Molybdenum (CoCrMo) đánh bóng bề mặt, bên ngoài được phủ bởi các lớp hợp kim chromium nitride, chromium carbon nitride ngoài cùng phủ lớp zirconium nitride nhằm hạn chế tối thiểu các trường hợp bệnh nhân mẫn cảm với Cobalt và Chrome, lồi cầu đùi đa trục dạng J, thiết kế dạng chêm mặt cắt trước làm giảm thiểu mất xương và tăng diện tích tiếp xúc của lồi cầu lên bề mặt xương, gập gối tối đa 160 độ. - Lồi cầu có các Size : F1, F2, F3, F4, F5, F6, F7 ,F8. - Lớp đệm mâm chày được làm bằng vật liệu cao cấp Beta Polyethylent (UHMWPE -ISO 5834-2) có kích thước 10,12,14,16,18,20 mm, thiết kế nghiên sau 3 độ làm giảm nguy cơ trật khớp. - Mâm chày thiết kế dạng vây cá gồm các size: T0, T1, T2, T3, T4, T5. Cơ chế kết hợp Mâm chày và lồi cầu : + T0: F1, F2, F3, khả thi F4 + T1: F1, F2, F3, F4, Khả thi F5 +T2 : F2, F3, F4, F5, Khả thi F1 và F6 + T3: F3, F4, F5, F6, Khả thi F2 và F7 +T4: F4, F5, F6, F7, Khả thi F3 +T5 :F5, F6, F7, Khả thi F4 Tiêu chuẩn : CE (hoặc tương đương)	Bộ	20
100	Khớp gối toàn phần có xi măng loại cố định PS, góc gập gối >=155 độ	*Thiết kế phù hợp với kỹ thuật mổ cắt dây chằng chéo sau * 01 Lồi cầu xương đùi: - Chất liệu hợp kim Co-Cr hoặc Titan hoặc hợp kim Titan, phủ SpheroGrip - Có tối thiểu 7 cỡ lồi cầu đùi, tăng dần từ cỡ nhỏ đến cỡ lớn, phân biệt trái/ phải, kích cỡ trước sau trong khoảng từ 52mm đến 72mm, kích cỡ trong ngoài trong khoảng từ 55mm đến 77mm * 01 Mâm chày: - Chất liệu hợp kim Co-Cr hoặc Titan hoặc hợp kim Titan, và phủ SpheroGrip - Thiết kế nhiều kích cỡ khác nhau, tăng dần từ nhỏ đến lớn, phù hợp với lồi cầu đùi. Kích cỡ trước sau khoảng từ 42mm đến 56mm, kích cỡ trong ngoài khoảng từ 62mm đến 85mm - Có chuôi chuẩn hoặc chuôi dài, có 5 kích cỡ trái và phải: 1,2,3,4,5. * 01 Lớp lót mâm chày: - Chất liệu Polyethylene cao phân tử. - Có chốt dừng (post-cam) hỗ trợ chống trượt ra sau. - Được thiết kế phù hợp với mâm chày và lồi cầu đùi tương ứng, mỗi kích cỡ có nhiều bề dày khác nhau từ thấp lên cao, bước tăng ≤ 2mm - Thiết kế kiểu cố định (Fix bearing). * 01 Bánh chè: - Chất liệu Polyethylene cao phân tử. - Có nhiều kích cỡ khác nhau, tăng dần từ cỡ nhỏ đến cỡ lớn. * 01 Xi măng sinh học kèm dung dịch pha. Có chứng nhận tiêu chuẩn của ISO (hoặc tương đương)	Bộ	15

STT	Tên hàng hóa	Mô tả, tính năng, đặc tính kỹ thuật hoặc tương đương	Đơn vị tính	Số lượng
101	Khớp gối loại một ngăn bảo tồn xương	01. Phần xương đùi: Bằng hợp kim Cobalt Chromium Alloy, tương thích giải phẫu học xương đùi, kích thước small (16x40mm), medium-small (17x46mm), medium (18x52mm), large (20x60mm). Có các lồi cầu phủ đều bề mặt tăng tối đa độ bám giữa implant và xi măng. 02. Phần xương chày: Thiết kế đối xứng dùng được cho cả ngăn trong và ngăn ngoài, có 2 loại: -Loại metal backed (kim loại mặt dưới) dày (8,9,11,13mm) và đường kính (45,50,55mm). Có các lồi cầu phủ đều bề mặt tăng tối đa độ bám giữa implant và xi măng. - Loại toàn phần polyethylen: dày (7,9,11,13mm) và đường kính (45,50,55,58mm). * 01 Xi măng sinh học kèm dung dịch pha. Có chứng nhận tiêu chuẩn của ISO (hoặc tương đương)	Bộ	10
102	Bộ dây bơm nước nội soi chạy bằng máy	Dùng với máy bơm áp lực hiệu Karl Storz hoặc công ty hỗ trợ máy bơm (hoặc tương đương)	Bộ	30
103	Dây dẫn nước nội soi khớp gối loại thường.	Dây dùng 1 lần có 2 đầu dẫn, chiều dài # 3m, có 3 khóa điều chỉnh dòng chảy (hoặc có tính năng tương đương) (hoặc tương đương)	Cái	20
104	Lưỡi bào khớp các cỡ, đường kính lưỡi bào	Lưỡi bào khớp: đóng gói tiệt trùng, dùng 1 lần, phù hợp với các tay bào. Đường kính lưỡi bào: 3.5/4.5 mm.(hoặc có tính năng tương đương) (hoặc tương đương)	Cái	50
105	Lưỡi cắt đốt bằng sóng radio các cỡ	Loại lưỡi cắt đốt có chức năng cầm máu bằng sóng Radio có dây hút dịch, đường kính đầu đốt: 2.4 mm và 3.3 mm, cong 50, 60 và 90 độ (hoặc có tính năng tương đương) (hoặc tương đương)	Cái	50
106	Chỉ khâu nội soi siêu bền	Chỉ liền kim đường kính 26 đến 28 mm 1/2 taper dài 36 inch, chống mài mòn gấp 10 lần chỉ polyester, độ bền gấp 3 lần chỉ polyester cùng cỡ. Khả năng chịu lực kéo thẳng tối đa của chỉ cỡ số 2 là: 50 Lbs, Chỉ cỡ số 5 là: 100 Lbs (hoặc có tính năng tương đương) (hoặc tương đương)	Cái	100
107	Vít cố định dây chằng chéo tự tiêu các cỡ	- Vật liệu: Poly (L-Lactic Acid) tự tiêu - Kích thước: 7x20, 7x25, 7x30, 8x20, 8x25, 8x30, 9x20, 9x25, 9x30, 10x25, 10x30, 11x 25, 11x30 (mm) - Dễ dàng loại bỏ khi phẫu thuật lần sau, có thể khoan qua vít. (hoặc tương đương)	Cái	20
108	Vít treo gân có thể tự điều chỉnh độ dài	* Sử dụng trong phẫu thuật tái tạo dây chằng chéo khớp gối. * Chất liệu: làm bằng Titanium alloy và sợi UHMWPE, chốt dài 12mm, rộng 3,9mm, dày 1.5mm, thiết kế 4 lỗ tròn. * Vòng treo làm bằng sợi UHMWPE, đường kính dây treo tương đương chỉ số 7. Có 2 dây chỉnh chốt dài 900mm, đường kính tương đương chỉ số 2. * Có thể điều chỉnh độ dài dây treo. * Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/CE (hoặc tương đương)	Cái	100
109	Vít chỉ khâu sụn chêm	Chất liệu PEEK. Chỉ bằng sợi UHMWPE. Sử dụng kỹ thuật All-Inside, được thiết kế để dễ dàng làm bung chốt bằng nút điều khiển. Đầu kim được thiết kế cứng, sắc và có một thước đo đo độ xuyên sâu giúp điều khiển dễ dàng. Điểm vào nhỏ làm giảm thiểu việc rách sụn chêm do đầu kim. (hoặc tương đương)	Cái	20
	Tổng cộng: 109 khoản			